



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



# 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**





# MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 19** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 35** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 47** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 57** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 67** BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 73** BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# THÔNG TIN CHUNG

---

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Thành tích Công ty đạt được**

**Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động**

**Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức**

**Tâm nhìn, chiến lược và định hướng phát triển**

**Các mục tiêu trong tương lai**

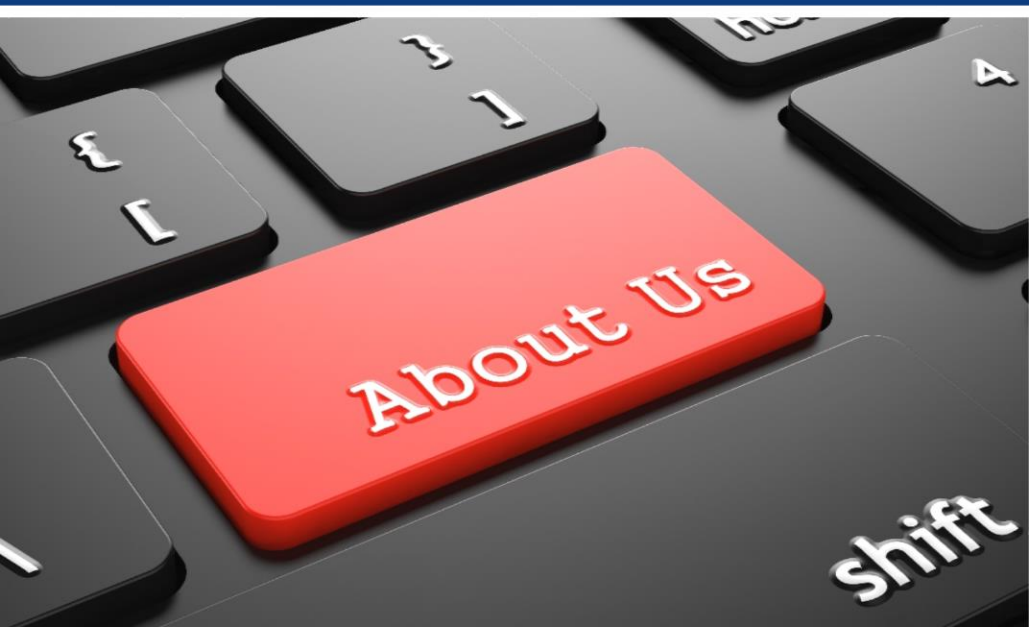
**Quản trị rủi ro**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH



## Thông tin khái quát



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

<b>Tên tiếng anh</b>	CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY
<b>Giấy CNĐKDN số</b>	4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/04/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/06/2015.
<b>Vốn điều lệ</b>	245.018.170.000 đồng.
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	259.404.199.214 đồng.
<b>Địa chỉ</b>	Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
<b>Số điện thoại</b>	(0258) 3854 307
<b>Số fax</b>	(0258) 3854 536
<b>Website</b>	<a href="http://www.camranhport.vn">www.camranhport.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>CCR</b>



## Quá trình hình thành và phát triển

**16/01/2009**

Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh được thành lập theo Quyết định số 168/BGTVT

**19/03/2014**

Công ty được cổ phần hóa theo Nghị quyết số 749/NQ-HHVN của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

**28/01/2015**

Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành Quyết định số 38/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh thành Công ty Cổ phần.

**25/06/2015**

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần

**20/08/2015**

Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)

**24/09/2015**

Ngày giao dịch đầu tiên của CTCP Cảng Cam Ranh trên hệ thống giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CCR.

## Thành tích công ty đã đạt được



# ACHIEVE

<b>Năm</b>	<b>Danh hiệu, hình thức khen thưởng</b>	<b>Quyết định số</b>	<b>Ngày ra quyết định</b>	<b>Cấp ra quyết định</b>
2005	Huân chương lao động hạng III	Quyết định số 681/2005	30/6/2005	Chủ tịch nước
2011	Huân chương lao động hạng II	Quyết định số 1769/QĐ-CTN	06/10/2011	Chủ tịch nước
2011	Băng khen thủ tướng	Quyết định số 76/QĐ-TTg	11/01/2011	Thủ tướng Chính phủ
2014	Băng khen thủ tướng	Quyết định số 1665/QĐ-TTg	17/9/2014	Thủ tướng Chính phủ
2017	Cờ thi đua thủ tướng	Quyết định số 175/QĐ-TTg	09/02/2017	Thủ tướng Chính phủ
2012	Băng khen Bộ GTVT	QĐ 2810/QĐ-BGTVT	01/11/2012	Bộ GTVT
2014	Băng khen Bộ GTVT	QĐ 2918/QĐ-BGTVT	01/08/2014	Bộ GTVT
2015	Băng khen Bộ GTVT	QĐ 3823/QĐ-BGTVT	28/10/2015	Bộ GTVT
2016	Băng khen Bộ GTVT	QĐ 2391/QĐ-BGTVT	02/8/2016	Bộ GTVT
2010- 2011	Cờ thi đua xuất sắc 2 năm liền	Quyết định số 09/QĐ-BGTVT ngày 05/01/2010 Quyết định số 107/QĐ-BGTVT	05/01/2010 19/01/2011	Bộ GTVT
2014	Cờ thi đua Bộ GTVT	QĐ 47/QĐ-BGTVT	07/01/2014	Bộ GTVT

## Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

### Ngành nghề kinh doanh

5224 (Chính)	Bốc xếp hàng hóa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ, tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan.

### Địa bàn kinh doanh:

Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, các đại lý hàng hải, vận tải biển.





## Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

### Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

**Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm có bảy (07) thành viên, trong đó có bốn (04) thành viên không tham gia điều hành và ba (03) thành viên tham gia điều hành (một (01) thành viên kiêm Tổng giám đốc, một (01) thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc, một (01) thành viên kiêm Kế toán trưởng).

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát đương nhiệm có ba (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên chuyên trách không tham gia điều hành và hai (02) thành viên kiêm nhiệm (không phải ở bộ phận kế toán của Công ty)

**Ban Tổng Giám đốc:** bao gồm một (01) Tổng Giám đốc, hai (02) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, một (01) Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách về lĩnh vực nội chính, một (01) Phó Tổng Giám đốc phụ trách về lĩnh vực kinh doanh, khai thác. Bên cạnh đó, Kế toán trưởng giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính. Có chức năng, nhiệm vụ điều hành, tổ chức công tác tài chính, kế toán của công ty theo quy định của Luật kế toán và các quy định của pháp luật.

**Các phòng ban chức năng:** Ba (03) Phòng chức năng phụ trách từng mảng lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ và một (01) Trung tâm Kinh doanh khai thác thực hiện chức năng nhiệm vụ tổ chức kinh doanh và triển khai hoạt động cung ứng dịch vụ.

#### Phòng Tài chính – Kế hoạch:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành về các lĩnh vực :

- Công tác quản trị tài chính;
- Công tác hạch toán kế toán;
- Công tác kế hoạch, chiến lược kinh doanh, đầu tư phát triển.

#### Phòng Tổ chức – Hành chính:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành về các lĩnh vực

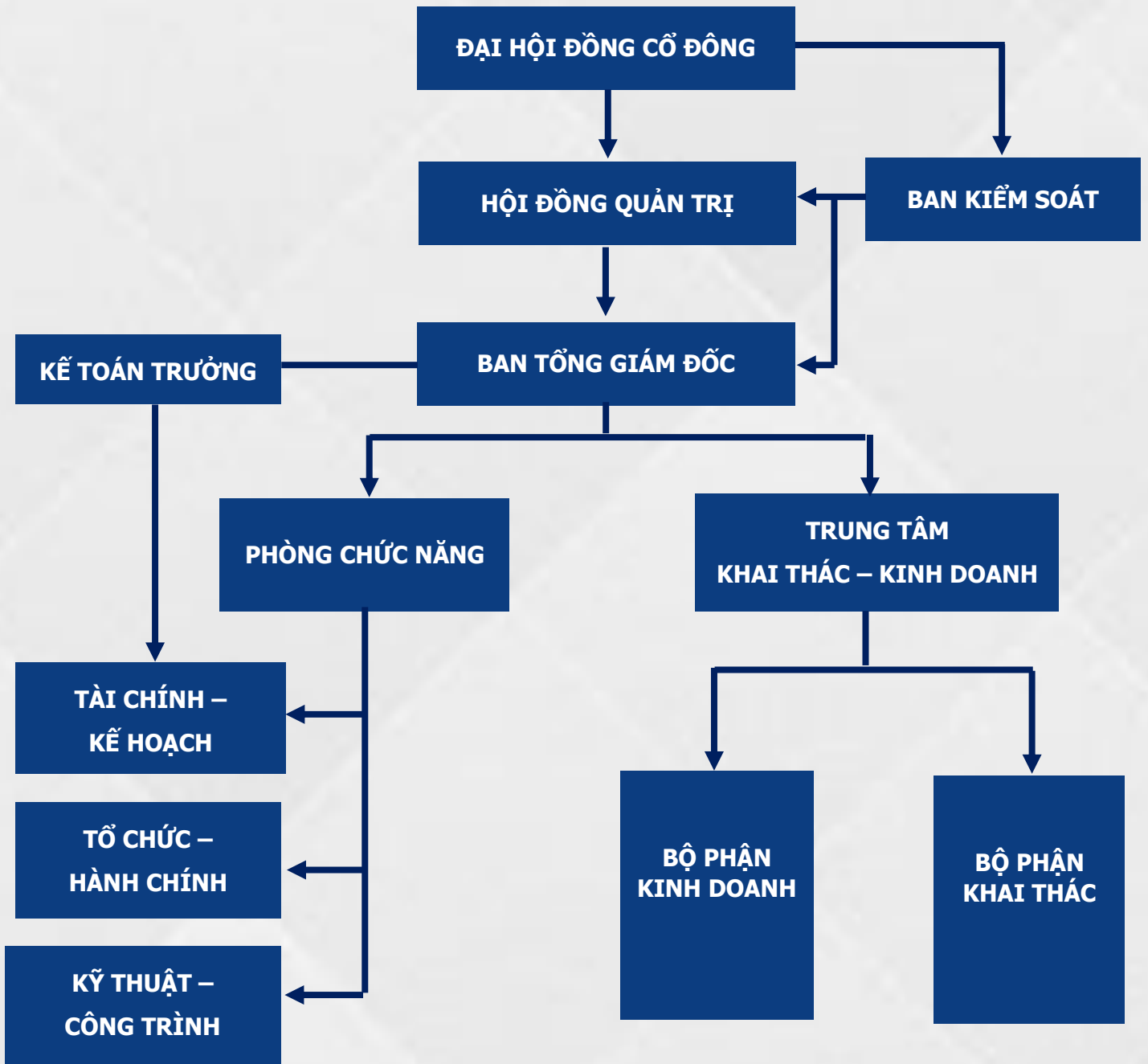
- Công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương;
- Công tác hành chính quản trị;
- Công tác pháp chế;
- Công tác nội chính và trật tự trị an.

#### Phòng Kỹ thuật – Công trình:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành về các lĩnh vực

- Kỹ thuật, công nghệ;
- Tài nguyên, môi trường;
- Đầu tư công trình.

**Sơ đồ bộ máy quản lý**





### Công ty con

#### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI CẢNG CAM RANH

<b>Địa chỉ</b>	: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	: Dịch vụ hàng hải
<b>Vốn điều lệ</b>	: 7.000.000.000 đồng
<b>Vốn CCR năm giữ (tính đến 31/12/2017)</b>	: 3.570.000.000 đồng, chiếm 51%



### Công ty liên kết

#### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ CAM RANH

<b>Địa chỉ</b>	: 02 ĐL Hùng Vương, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	: Vận tải
<b>Vốn điều lệ</b>	: 16.500.000.000 đồng
<b>Vốn CCR năm giữ (tính đến 31/12/2017)</b>	: 500.000.000 đồng, chiếm 3%

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH

<b>Địa chỉ</b>	: 70 Nguyễn Trọng Kỳ, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	: Cấp nước và dịch vụ đô thị
<b>Vốn điều lệ</b>	: 18.018.000.000 đồng
<b>Vốn CCR năm giữ (tính đến 31/12/2017)</b>	: 1.170.000.000 đồng, chiếm 6,5%



## Định hướng, mục tiêu phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trở thành doanh nghiệp khai thác cảng trọng điểm của cả nước và trong khu vực, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistic của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, là Cảng biển xếp thứ 3 khu vực Trung Bộ về sản lượng khai thác.

### Chiến lược phát triển dài hạn giai đoạn 2016 – 2020

Tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng. Triển khai công tác marketing để thu hút và tăng sản lượng hàng thông qua cảng với năng lực xếp dỡ là 2,5 triệu tấn/năm vào năm 2020. Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistic), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích đất và mặt nước được quy hoạch.

Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: "Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có".

### Định hướng đến năm 2030

Tiếp tục phát triển sâu – rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 5 triệu tấn/năm.



## Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

### Đối với môi trường

Công tác bảo vệ môi trường biển luôn được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Đề án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.

Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

### Đối với xã hội, cộng đồng

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

## Quản trị rủi ro

### Rủi ro về kinh tế

Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, Công ty nói riêng và ngành cảng biển nói chung chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ của "sức khỏe" của nền kinh tế, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2017 được xem như một "điều kỳ diệu". Không chỉ dừng lại ở mức 6,7% như mức kế hoạch đặt ra, mà GDP trong năm vừa qua tăng 6,81% so với cùng kỳ năm 2016, cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Thậm chí, theo "Báo cáo cập nhật kinh tế Đông Á – Thái Bình Dương" của World Bank nhận định, tình hình kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 được đánh giá tích cực, nhưng mức tăng GDP chỉ ở khoảng 6,3%, có cao hơn so với 6,21% của 2016 nhưng đạt được ở mức 6,81% là điều không thể ngờ. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề tồn tại bên cạnh đó của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, cùng thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới toàn nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

### Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty hiện đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự quản lý của Bộ luật Hàng hải Việt Nam cùng với các Nghị định, Thông tư liên quan quy định về quản lý hoạt động hàng hải như: Nghị định 58/2017/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nghị định 37/2017/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển...

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Để phù hợp với các quy định của quốc tế, sự thay đổi về chính sách quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp như Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71, là điều tất yếu để phù hợp với các yêu cầu, thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng quản trị của các doanh nghiệp. Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

### Rủi ro về cạnh tranh

Hiện tại, ở khu vực Khánh Hòa có 4 cảng đang hoạt động: Cảng tổng hợp Nam Vân Phong, Cảng Hòn Khói, Cảng Quốc tế Cam Ranh và Cảng Nha Trang. Trong đó, riêng chỉ khu vực Cam Ranh – Nha Trang có tới 2 cảng và cũng là các đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty. Với hệ thống cảng dày đặc trong khu vực do quy hoạch chưa hợp lý, mức độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như hình thành khu kinh tế, công nghiệp lại chưa đạt so các mục tiêu quy hoạch đề ra. Do đó ở khu vực miền Trung nói chung và Khánh Hòa nói riêng, các cảng đều khai thác dưới công suất (trừ cảng Quy Nhơn).

Bên cạnh đó, theo thống kê của Công ty, giá dịch vụ cảng biển của doanh nghiệp Việt Nam thấp hơn khoảng 30 - 40% so với mức giá trong khu vực. Thực tế, các doanh nghiệp cổ phần, liên doanh hay doanh nghiệp tư nhân vẫn đưa ra mức giá cạnh tranh với chính sách "hoa hồng" linh hoạt. Một số cảng được đầu tư xây dựng từ lâu, bằng nguồn vốn nhà nước, hiện nay khấu hao tài sản đã hết do vậy đã đưa ra giá dịch vụ thấp tạo sự cạnh tranh và khó khăn cho các cảng mới đầu tư.

## Rủi ro nguồn đặc thù ngành

### Rủi ro về chính sách của Nhà nước và địa phương

#### ❖ Quy hoạch phát triển cảng biển:

Quy hoạch cảng biển hiện nay chưa hợp lý, khoảng cách giữa các cảng trong khu vực tương đối gần nhau, một số vị trí không thuận lợi để đầu tư xây dựng cảng vẫn được quy hoạch, vẫn còn cơ chế xin cho. Do vậy, dẫn đến tình trạng các địa phương đua nhau làm cảng biển, tạo nên sự hỗn loạn, nơi thừa, nơi thiếu, cạnh tranh giành giật nhau và kết cục cuối cùng là sự thua lỗ. Qua khảo sát thực tế có thể thấy, số lượng và vị trí phân bố bến cảng dày đặc từ Bắc vào Nam do đường bờ biển trải dài của Việt Nam, nhưng phần lớn các cảng vẫn sử dụng các thiết bị bốc xếp thông thường, kỹ thuật công nghệ lạc hậu, năng suất thấp. Việc đầu tư, khai thác cảng tại nhóm 1 (nhóm cảng phía Bắc) chưa đáp ứng nhu cầu, thể hiện rõ nhất là cảng Hải Phòng đang trong tình trạng quá tải. Các cảng ở nhóm 5 (gồm TP.HCM, Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu) do mới được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác nên hoạt động chưa đạt hiệu quả như mong muốn dẫn đến xảy ra tình trạng mất cân đối cung - cầu ngắn hạn. Riêng đối với các cảng miền Trung đều khai thác dưới công suất (trừ cảng Quy Nhơn), do mức độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như hình thành khu kinh tế, công nghiệp chưa đạt so với mục tiêu quy hoạch đề ra.

#### ❖ Mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, hậu cần sau cảng:

Các doanh nghiệp cảng đầu tư hạ tầng bến cảng, còn địa phương đầu tư hạ tầng giao thông, các khu kinh tế, khu công nghiệp... điều này dễ dẫn đến thiếu đồng bộ trong vận tải hàng hóa. Vì thế, hệ thống hạ tầng phục vụ logistics trở nên yếu kém cả về năng lực vận tải và khả năng kết nối hệ thống cũng như kết nối giữa các phương thức vận tải.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí, chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam trong mỗi giai đoạn đều ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua Cảng. Vì thế, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

### Rủi ro do ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động thương mại quốc tế

Với nền tảng các Hiệp định thương mại tự do đa phương và song phương đã ký từ trước, cụ thể với 12 Hiệp định đã được ký kết và 4 Hiệp định đang trong quá trình đàm phán, Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Việc mở cửa thị trường đồng nghĩa với tiến trình xúc tiến, đẩy mạnh hoạt động thương mại quốc tế với các nước là một điều tất yếu. Bên cạnh đó, tình hình thương mại toàn cầu đang trên đà phục hồi, tốc độ tăng trưởng trong năm 2017 tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước (số liệu do IMF thống kê). Với những lý do trên chính là động lực tích cực cho hoạt động xuất nhập khẩu cũng như thương mại quốc tế cho Việt Nam nói chung và khu vực miền Trung, Khánh Hòa nói riêng trong thời gian tới.

Hiện nay, Cảng Cam Ranh đang hoạt động chỉ với 70% công suất được thiết kế, cùng với các hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị để tăng công suất hoạt động của Công ty đã và đang được lên kế hoạch chi tiết thực hiện cho từng giai đoạn. Do đó, rủi ro ảnh hưởng biến động bất thường của tình hình chung dẫn đến Công ty không đủ công suất đáp ứng là không đáng kể.

## Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.

# Tình hình hoạt động trong năm

---

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình nhân sự và

các chính sách đối với người lao động

Tình hình hoạt động, đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong

vốn đầu tư của chủ sở hữu

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH





## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện/ Kế hoạch	% tăng giảm so với 2016
Sản lượng hàng hóa thông qua cảng	Tấn	1.441.734	1.800.000	1.633.971	90,78%	13,33%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	107.212	125.000	124.809	99,85%	16,41%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	9.904	-	10.099	-	1,97%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.067	13.000	10.223	78,64%	1,56%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.140	-	8.102	-	-0,47%
Cổ tức chi trả	%	2%	2,5%	2,5%	100,00%	125,00%



Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2017, với tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty mặc dù lần lượt tăng 16,41% và 1,56% so với năm 2016, tuy nhiên lại có sự chênh lệch, thấp hơn so với kế hoạch đặt ra. Một số nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua như:

- Vùng hấp dẫn của Cảng Cam Ranh (khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên) kém về hạ tầng kinh tế và quy mô phát triển sản xuất công nghiệp, do vậy mức độ tăng trưởng thị trường hàng hóa qua cảng không cao.
- Hơn thế nữa, việc xuất hiện sự cạnh tranh lớn trong cùng địa bàn hoạt động kinh doanh (cảng quân đội Tân cảng Quốc tế Cam Ranh, cảng tổng hợp Nam Vân Phong, cảng Nha Trang) gây khó khăn cho Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh:
  - Mất một số khách hàng đơn lẻ (giảm sản lượng một số mặt hàng qua cảng đã giảm so với kế hoạch, như cát đá xây dựng, hàng thiết bị quốc phòng nhập về cho quân đội...)
  - Công ty phải có chính sách giảm giá một số dịch vụ hoặc hỗ trợ miễn phí lưu kho, bãi cho khách hàng nhằm không mất thêm khách hàng hiện có và thu hút thêm các khách hàng mới vì thế ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu của đơn vị.
- Bên cạnh đó, diễn biến trở ngại, rủi ro bất thường của khách hàng trong việc triển khai thực hiện kế hoạch xuất, nhập hàng (mặc dù đã đầu tư thuê kho bãi cảng và bỏ vốn tương đối lớn để thực hiện xuất khẩu) dẫn đến sai lệch dữ liệu dự đoán thị trường khi xây dựng kế hoạch 2017 của 1 số mặt hàng có sản lượng kỳ vọng lớn, cụ thể:
  - Đá xây dựng xuất khẩu của các chủ hàng đã bỏ vốn đầu tư thuê bãi, khai thác mỏ...
  - Than đá của Công ty cổ phần than Miền Trung nhập khẩu cho dự án trạm trộn cung ứng than cho nhiệt điện Vĩnh Tân (Bình Thuận).
  - Hàng thiết bị phục vụ cho dự án phong điện tại Ninh Thuận và Bình Thuận (Lợi nhuận giảm mạnh so với kế hoạch, nguyên nhân chính là sản lượng hàng thiết bị - loại hàng đem lại doanh thu và lợi nhuận cao) không đạt sản lượng như kỳ vọng xây dựng kế hoạch 2017.

Mặc dù với tình hình tương đối khó khăn, Ban lãnh đạo của công ty đã cố gắng linh hoạt đề ra các giải pháp ứng phó kịp thời, xây dựng định hướng chiến lược hợp lý nhằm khắc phục khó khăn một cách nhanh nhất, ổn định tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

## Tổ chức và nhân sự

### PHẠM HỮU TẤN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1965
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	+ Từ 1987 đến 1993: Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh + Từ 1993 đến nay: CTCP Cảng Cam Ranh
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số <b>cổ phiếu</b> nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2017):	3.727.873 cổ phần, chiếm 15,21 % vốn điều lệ
+ Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu:	3.675.273 cổ phần, chiếm 15 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	52.600 cổ phần, chiếm 0,21 % vốn điều lệ

**DƯƠNG VĂN THÀNH**

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/10/1958
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác hàng hải
Quá trình công tác:	<p>+ Từ 04/1976 đến 09/1986: Công tác tại Phòng Kế hoạch Ty Thông tin Văn hóa Phú Khánh. Tốt nghiệp ĐH Hải sản Nha trang, Kỹ sư Khai thác hàng hải</p> <p>+ Từ 09/1986 đến 08/1995: Công tác tại Xí Nghiệp Trục vớt cứu hộ II Quy Nhơn thuộc Liên Hiệp Xí Nghiệp TVCH Việt Nam</p> <p>+ Từ 08/1995 đến hiện nay: Công tác tại Cảng Cam Ranh</p>
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số <b>cổ phiếu</b> nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2017):	2.471.482 cổ phần, chiếm 10,09 % vốn điều lệ
+ Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu:	2.450.182 cổ phần, chiếm 10 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	21.300 cổ phần, chiếm 0,09 % vốn điều lệ

**NGUYỄN VĂN THẮNG**

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	+ Từ 1990 đến 2000: công tác tại Công ty công trình đô thị Cam Ranh + Từ 2000 đến nay: công tác tại CTCP Cảng Cam Ranh
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số <b>cổ phiếu</b> nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2017):	11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

**NGUYỄN HUY PHƯƠNG**

Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/04/1963
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:	+ Từ 7/1987 đến 3/2002: Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Khánh Hòa + Từ 4/2002 đến nay: Cảng Cam Ranh
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số <b>cổ phiếu</b> nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2017):	2.470.382 cổ phần, chiếm 10,08 % vốn điều lệ
+ Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu:	2.450.182 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	20.200 cổ phần, chiếm 0,08 % vốn điều lệ

## Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

### Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Tổng số lao động năm 2017 (Tính đến ngày 31/12/2017) là 164 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>164</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ trên đại học	04	2,44%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	43	26,22%
3	Trình độ trung cấp	21	12,80%
4	Công nhân kỹ thuật	27	16,46%
5	Lao động phổ thông	69	42,07%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>164</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	136	82,93%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	12	7,32%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	16	9,76%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>164</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	135	82,32%
2	Nữ	29	17,68%

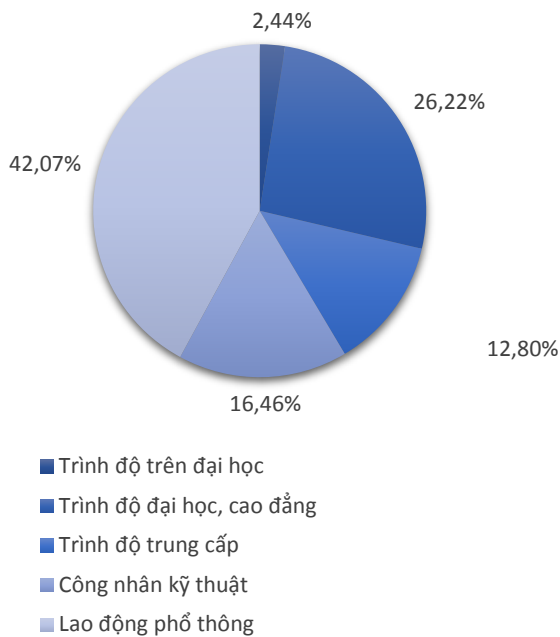
### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có quy chế tuyển dụng, đào tạo chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên tùy theo yêu cầu công việc: Đối với công nhân trực tiếp, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

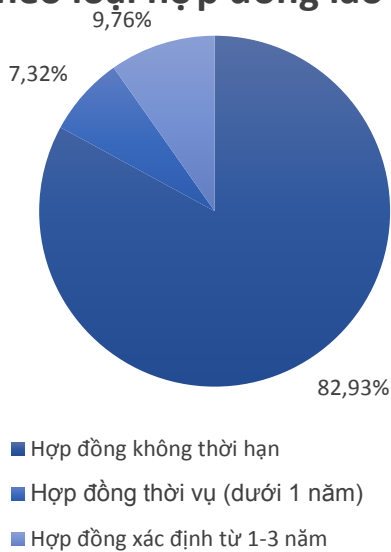
Cảng Cam Ranh có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về cảng biển, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật, đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác.

Lao động của Cảng Cam Ranh đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các Cảng bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của Cảng Cam Ranh trong chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

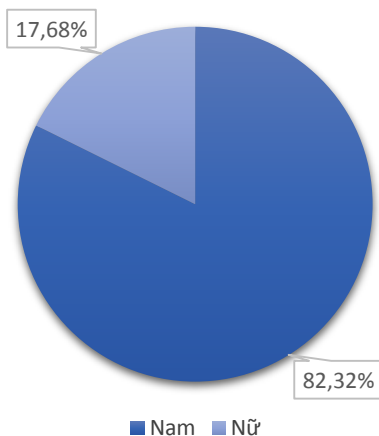
### Theo trình độ lao động



### Theo loại hợp đồng lao động



### Theo giới tính



### Môi trường làm việc

Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới thứ Bảy, nghỉ ngày Chủ nhật. Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển, người lao động làm việc tại bộ phận trực tiếp hiện trường và bộ phận kho hàng được chia làm 02 - 03 ca/ngày tùy theo khối lượng hàng qua cảng theo số lượng tàu cập cảng. Khối văn phòng và các bộ phận gián tiếp khác làm việc 08 tiếng/ngày. Tất cả người lao động đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn; Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc bảo đảm cho điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty và kể cả lao động thuê ngoài. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

### Chính sách lương, thưởng

Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định hiện hành. Hiện tại Công ty đang sử dụng hệ thống thang bảng lương chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo nghị định 49/2013/NP-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật: tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách phù hợp trong nội dung Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của Công ty ban hành nhằm đảm bảo sự ổn định của lực lượng lao động như: thưởng năng suất, thưởng định mức, đảm bảo ổn định có việc làm 100% trong năm, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2014	220	8.790.000
2	2015	210	7.771.000
3	2016	202	8.415.000
4	2017	164	9.469.000



## Tình hình hoạt động đầu tư

### Đầu tư tài chính

Dự kiến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) theo hình thức "tài sản đồng kiểm soát, không thành lập pháp nhân mới":

- Đối tác là: CTCP Hàng hải Quảng Hưng
- Quy mô đầu tư: giá trị 18.000.000.000 đồng
- Tài sản đầu tư hợp tác kinh doanh: cần trục Gottwald sức nâng 52 tấn (Tài sản đã qua sử dụng Bên đối tác mua từ Newzealand)
- Cảng Cam Ranh góp vốn 40%: 7.200.000.000 đồng
- Dự kiến hoàn thành góp vốn tháng 03/2018. (Thời gian lắp đặt, chạy thử hoàn chỉnh dự kiến cuối quý I/2018)
- Thời hạn BCC là 8 năm, dự kiến thu hồi vốn trong vòng 5 năm. Tài sản đưa vào sử dụng dự kiến sẽ đảm nhận 25% khối lượng xếp dỡ hàng rời qua cảng.

### Đầu tư xây dựng cơ bản

Chỉ tiêu	Quy mô/ khối lượng thực hiện	KH được phê duyet (Tr.đ)	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)		
			Tổng mức phê duyet đầu tư	Giá trị quyết toán hình thành tài sản đến 31/12/2017	% TH/ KH
<b>Dự án đã hoàn thành</b>		<b>2.330</b>	<b>1.870</b>	<b>1.868</b>	<b>80%</b>
Cổng cảng-nhà liên ngành (Thực hiện chuyển tiếp từ 2016)	Nhóm C	2.200	1.740	1.740	79%
Hệ thống thiết bị hạp trực tuyến	HCVP	130	130	128	98%
<b>Dự án đang thực hiện dở dang, chuyển sang năm 2018</b>		<b>18.674</b>	<b>11.171</b>		
Bãi phía Đông thuộc dự án Bến số 2	2,24 ha	10.674	10.674	Đang thực hiện	
Hạng mục bê tông đoạn cổng cảng (Dự án Nâng cấp đường trục chính cảng)	Đường cấp 2	8.000	497	Thực hiện phân kỳ hạng mục bê tông cổng	

**Công ty con****CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI CẢNG CAM RANH**

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017 so với 2016
Doanh thu	Đồng	10.134	9.875	-2,56%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.584	1.134	-28,41%
Cổ tức chi trả	Đồng	15%	12%	-20,00%

**Công ty liên kết****CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ CAM RANH**

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017 so với 2016
Doanh thu	Đồng	23.026	24.000	4,23%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	851	900	5,76%
Cổ tức chi trả	Đồng	3,5%	4%	14,29%

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017 so với 2016
Doanh thu	Đồng	23.026	90.000	4,61%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	851	12.000	7,12%
Cổ tức chi trả	Đồng	3,5%	40%	0,00%

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	385.609	366.964	-4,84%
2	Doanh thu thuần	104.628	123.878	18,40%
7	Lợi nhuận từ HĐKD	9.904	10.099	1,97%
8	Lợi nhuận khác	162	124	-23,41%
9	Lợi nhuận trước thuế	10.067	10.223	1,56%
10	Lợi nhuận sau thuế	8.140	8.102	-0,47%

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,89	3,42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,87	3,37
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,99%	29,31%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	49,23%	41,46%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	108,34	124,30
Vòng quay tài sản	Vòng	0,27	0,33
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,78%	6,54%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,17%	3,13%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,09%	2,15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,47%	8,15%

**Về khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Doanh nghiệp được cải thiện đáng kể, tăng lần lượt là 1,53 lần và 1,50 lần do Công ty đã thanh toán khoản phải trả ngắn hạn hơn 15 tỷ đồng là chi phí khởi công Bến số 2 và VAT liên quan cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty vẫn cần phải lưu ý đến vấn đề thanh khoản hay khả năng thanh toán tức thời do các khoản phải thu tăng mạnh, đặc biệt là khoản phải thu từ khách hàng, trong khi đó khoản mục tiền và tương đương tiền lại giảm đáng kể.

**Về cơ cấu vốn:** tính đến 31/12/2017, Công ty đã giảm bớt tỷ trọng nợ phải trả trong tổng cơ cấu nguồn vốn của Công ty, cụ thể, nợ/tổng tài sản giảm 3,68%; nợ/vốn chủ sở hữu giảm 7,77% so với cơ cấu vốn năm 2016. Do trong năm qua, khoản vay tín dụng để đầu tư Bến số 2 (tương đương 100 tỷ đồng) đã được thực hiện cơ cấu lại nợ theo đúng kế hoạch ngắn hạn đề ra, nhằm để lành mạnh hóa tình hình tài chính trong tiến trình sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp. Ngoài ra, các chi phí liên quan như chi phí khởi công và VAT cũng đã được Công ty thanh toán. Vì vậy, đó là các nguyên do chính tác động tích cực đến cơ cấu nợ phải trả của Công ty.

**Về khả năng sinh lời:** Với nhiều lý do khách quan tác động, nguyên do chính có thể kể đến như tình hình cạnh tranh gay gắt khiến Công ty mất đi một số khách hàng và phải có các chính sách ưu đãi về giá dịch vụ cũng như chi phí lưu kho, bãi nhằm giữ chân khách hàng hiện tại khiến kết quả hoạt động kinh doanh thực sự bị ảnh hưởng. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2017 của công ty không thực sự khả quan khi hầu hết các chỉ tiêu như ROS, ROE... đều giảm. Tuy nhiên, chỉ tiêu ROA lại tăng 0,06% do khấu hao tăng ảnh hưởng đến tổng tài sản giảm như đã đề cập.

**Về năng lực hoạt động:** Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận chuyển và các dịch vụ phụ trợ vận tải đường thủy khác. Do đó, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho không phản ánh được tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, hay nói cách khác, chỉ tiêu này không mang nhiều ý nghĩa trong việc phân tích năng lực hoạt động của đơn vị. Đối với chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản có tăng từ 0,27 lên 0,33, do khấu hao TSCĐ của Công ty tăng nhưng các khoản mục khác không có sự biến động đáng kể dẫn đến tổng tài sản giảm.



## Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>A. Cơ cấu cổ đông theo khu vực</b>				
<b>I. Cổ đông trong nước</b>				
1	Cổ đông cá nhân	210	1.181.500	4,82%
2	Cổ đông tổ chức	04	23.291.917	95,06%
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>				
1	Cổ đông cá nhân	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-
<b>B. Cơ cấu cổ đông theo loại hình</b>				
1	Cổ đông Nhà nước	01	19.823.015	80,90%
2	Cổ đông khác	213	4.650.402	18,98%

Nguồn: Theo danh sách chốt ngày 31/12/2017

### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	19.823.015	80,90%
CTCP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	0103015237	Đường Phạm Văn Đồng, Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.497.102	14,27%

Nguồn: Theo danh sách chốt ngày 31/12/2017

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện các hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

#### Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

#### Các chứng khoán khác:

Không có.

**Cổ phần**

- Số lượng cổ phần : 24.501.817 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số cổ phiếu ưu đãi : không có.
- Số cổ phiếu phổ thông : 24.501.817 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 28.400 cổ phần.
- Số cổ phiếu đang lưu hành : 24.473.417 cổ phần.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do : 20.885.115 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 3.588.302 cổ phần



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Đánh giá tổng quan về Công ty

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,

chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về

môi trường và xã hội của công ty

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH





## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### DOANH THU

Chỉ tiêu	2016		2017	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	104.627.846.665	97,59%	123.878.486.849	99,25%
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>18.261.131.054</i>	<i>17,03%</i>	<i>24.360.907.906</i>	<i>19,52%</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>86.366.715.611</i>	<i>80,56%</i>	<i>99.517.578.943</i>	<i>79,74%</i>
Doanh thu tài chính	2.265.151.957	2,11%	723.389.117	0,58%
Thu nhập khác	319.253.690	0,30%	207.240.889	0,17%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>107.212.252.312</b>	<b>100,00%</b>	<b>124.809.116.855</b>	<b>100,00%</b>

Mặc dù với tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh gay gắt đến từ các đối thủ trong cùng khu vực, kế hoạch xuất, nhập hàng bất thường của khách hàng... Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ổn định, không thay đổi nhiều so với kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm. Trong đó, doanh thu tài chính có sự thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm 2016 do lãi từ tiền gửi ngân hàng của công ty và cổ tức được chia suy giảm.



## CHI PHÍ

Chi tiêu	2016		2017	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng
Giá vốn bán hàng	73.607.793.676	75,89%	90.246.369.105	78,82%
Chi phí tài chính	7.483.322.028	7,72%	8.690.880.556	7,59%
Chi phí bán hàng	281.753.480	0,29%	312.614.746	0,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.615.889.732	16,10%	15.252.957.946	13,32%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>96.988.758.916</b>	<b>100%</b>	<b>114.502.822.353</b>	<b>100%</b>

Trong năm 2017, chi phí bán hàng và giá vốn bán hàng tăng cao do tình hình cạnh tranh căng thẳng, Công ty phải có chính sách giảm giá một số dịch vụ hoặc hỗ trợ miễn phí lưu kho, bãi cho khách hàng nhằm không mất thêm khách hàng hiện có và thu hút thêm các khách hàng mới. Ngoài ra, chi phí tài chính từ các khoản vay dài hạn của Công ty bao gồm nợ gốc và lãi vay cho các ngân hàng cũng là một gánh nặng chi phí. Vì thế, mặc dù doanh thu có tăng so với năm 2016, nhưng với tình hình chi phí như trên nên tăng trưởng lợi nhuận không được như mong đợi.



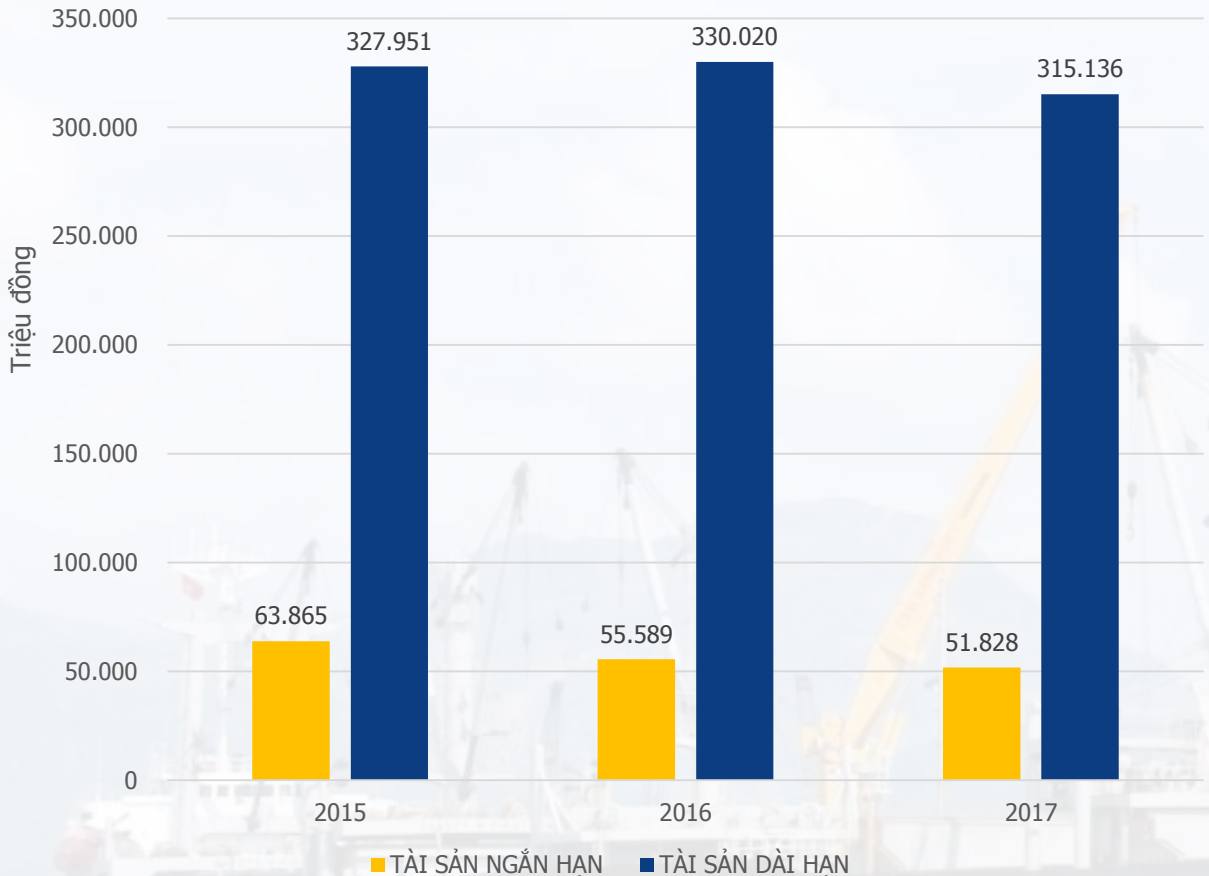
## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

Chi tiêu	2016 (Tr.đồng)	2017 (Tr.đồng)	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Tài sản ngắn hạn	55.589	51.828	-6,77%	14,42%	14,12%
Tài sản dài hạn	330.020	315.136	-4,51%	85,58%	85,88%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>385.609</b>	<b>366.964</b>	<b>-4,84%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Năm 2017, tổng giá trị tài sản của Công ty giảm hơn 18 tỷ đồng, tương đương giảm 4,84% so với năm 2016. Mức giảm của tài sản chủ yếu đến từ tài sản dài hạn, trong đó, nguyên nhân chính là đến từ việc khấu hao tài sản tăng khoảng 15 tỷ đồng so với năm 2016 mà việc đầu tư xây dựng mới lại đang gặp hạn chế do chi phí lãi vay hiện tại tương đối lớn từ hoạt động đầu tư mở rộng từ các năm trước. Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, tài sản của Công ty chủ yếu là các tài sản dài hạn với giá trị lớn. Cụ thể, cơ cấu giữa Tài sản ngắn hạn và dài hạn của năm 2017 ở các tỷ lệ lần lượt là 14,12% và 85,88%, thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

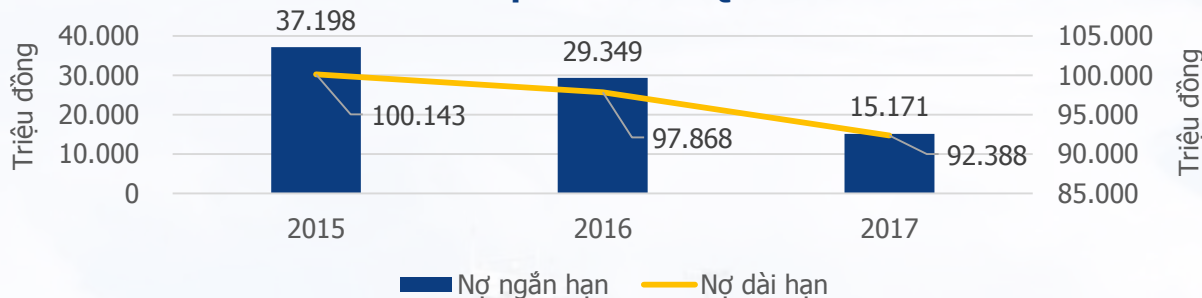
### TÌNH HÌNH TÀI SẢN QUA CÁC NĂM



**Tình hình tài sản**

Tiêu chí	2016 (Tr.đồng)	2017 (Tr.đồng)	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Nợ ngắn hạn	29.349	15.171	-48,31%	23,07%	14,11%
Nợ dài hạn	97.868	92.388	-5,60%	76,93%	85,89%
<b>Tổng nợ</b>	<b>127.217</b>	<b>107.559</b>	<b>-15,45%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu tổng nợ của Công ty trong năm vừa qua có sự thay đổi đáng kể, giảm 15,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm hơn 14 tỷ đồng, tương đương giảm 48,31% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thanh toán chi phí phải trả cho Vinalines về thuế VAT và chi phí khởi công Bến số 2 đã được đầu tư hoàn thành cũng như đưa vào sử dụng từ năm 2013. Đối với nợ dài hạn, trong năm vừa qua thay đổi chủ yếu do việc thanh toán tiền gốc và lãi vay các khoản vay dài hạn được dùng để thực hiện kế hoạch đầu tư ở những năm trước.

**TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ QUA CÁC NĂM****Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	5.177	6.000
Vay dài hạn	Triệu đồng	94.350	86.000
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	7.483	8.688
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	7,15%	7,01%

Như đã đề cập, bến số 2 được Công ty đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2013 với phần lớn nguồn vốn đầu tư từ vay thương mại. Do đó, hiện nay công ty phải trả vốn vay và lãi gốc với tổng chi phí lãi vay hằng năm tương đối lớn, ở vào mức khoảng 7,01% so với giá trị doanh thu thuần trong năm 2017 nên nguồn vốn đầu tư bị hạn chế.

## Đánh giá tổng quan về Công ty

- Là cảng biển Quốc tế nằm trong vịnh Cam Ranh, đây là vịnh có vị trí thuận lợi để xây dựng cảng (kín gió, độ sâu tự nhiên lớn, luồng ra vào cảng không bị phù sa bồi lắng).
- Cảng Cam Ranh hiện nay bao gồm 2 bến tiếp nhận được tàu đến 50.000 DWT (giảm tải đến 70.000DWT) nên thu hút được những khách hàng yêu cầu tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn đến cảng xếp dỡ hàng hóa.
- Cảng cách QL1A khoảng 2km, tuyến đường sắt quốc gia 3km (tuyến đường sắt cũ nối liền cảng với tuyến quốc gia vẫn còn); cách sân bay quốc tế 18km nên thuận lợi cho việc nhập hàng và rút hàng.
- Diện tích đất quy hoạch cho cảng gần 70ha, đây là lợi thế rất lớn so với các cảng trong khu vực. Công ty có thể cung cấp cho những khách hàng có nhu cầu về kho bãi lớn (than các loại, chế biến dăm gỗ...)
- Là đơn vị có bề dày trong quản lý và khai thác cảng nên đội ngũ CBCNV của Công ty có kinh nghiệm; đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật được đào tạo bài bản. Có truyền thống về tinh thần đoàn kết.
- Cảng Cam Ranh trước khi chuyển về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là cảng địa phương được sự quản lý trực tiếp của tỉnh Khánh Hòa. Trong hoạt động kinh doanh trước đây và hiện nay, công ty luôn nhận được sự hỗ trợ rất tốt của tỉnh Khánh Hòa và TP Cam Ranh

# S


## Thế mạnh

- Cầu cảng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, nhưng phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi vừa thiếu lại hạn chế nên khó khai thác được những những tàu có tải trọng lớn không có cầu; năng suất thấp, tốc độ giải phóng tàu chậm. Luồng vào cảng hiện nay chỉ có khả năng tiếp nhận được tàu 30.000DWT đầy tải, Bộ Giao thông Vận tải và Cục Hàng hải Việt Nam chưa có kế hoạch nạo vét luồng nên khó khăn cho cảng khi tiếp nhận những tàu >30.000 DWT.
- Bến số 2 được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2013 với phần lớn nguồn vốn đầu tư từ vay thương mại, hiện nay hàng năm công ty phải trả vốn vay và lãi gốc nên nguồn vốn đầu tư bị hạn chế.
- Vị trí Cảng Cam Ranh nằm trong trung tâm thành phố Cam Ranh, gần khu dân cư do vậy khó thu hút được một số loại hàng hóa có độ phát tán môi trường. Trong tương lai, nếu địa phương không mở rộng những tuyến đường chính từ cảng thì sẽ ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển hàng hóa đi và đến Cảng Cam Ranh.

# W

## Điểm yếu

- Theo quy hoạch thì Cảng Nha Trang sẽ chuyển sang Bến du lịch quốc tế, như vậy một phần hàng hóa về Cảng Nha Trang hiện nay sẽ chuyển về Cảng Cam Ranh.
- Với chính sách ưu tiên các dự án ít ảnh hưởng đến môi trường và giá mua điện tăng nên các dự án về phong điện, nhiệt điện, điện mặt trời trong khu vực đã khởi công và sẽ khởi công trong thời gian tới. Đây là mặt hàng tuy sản lượng hàng thông qua cảng không cao nhưng doanh thu và lợi nhuận rất tốt.
- Theo quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa thì Cam Ranh thuộc khu trọng điểm kinh tế phía Nam để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ. Hy vọng với sự hỗ trợ của địa phương cùng với công tác thị trường của cảng được đẩy mạnh thì hàng hóa thông qua cảng sẽ tăng.
- Cam Ranh nằm trong khu vực có sản lượng lớn về đá xây dựng, nhiều khách hàng xuất khẩu đã ký kết hợp đồng với các đối tác và chọn cảng Cam Ranh là cảng xuất để cung cấp với sản lượng lớn.



# O

## Cơ hội

- Mặc dù được quy hoạch là cảng đầu mối loại I của khu vực, tuy nhiên khu vực chân hàng của Cảng Cam Ranh chưa có các trung tâm kinh tế, ít các khu công nghiệp nên sản lượng hàng qua cảng so với các cảng trong khu vực thấp, năng lực chiếm lĩnh thị phần chưa cao.
- Hiện nay trong khu vực vịnh Cam Ranh, công ty Tân Cảng đã đầu tư cảng Quốc tế Cam Ranh để cung cấp dịch vụ cho các tàu quân sự. Tuy nhiên, hiện nay cảng đã xin thêm chức năng khai thác hàng hóa và kinh doanh kho bãi. Đây chính là đối thủ cạnh tranh mạnh nhất và gần nhất của Cảng Cam Ranh; Khu vực Vĩnh Tân, Bình Thuận cũng đã được cho phép đầu tư bến tổng hợp 30.000DWT, dự kiến đi vào hoạt động năm 2018. Đây là khu vực mà mặt hàng thiết bị và nguyên liệu cung cấp cho các dự án rất lớn, hàng qua Cảng Cam Ranh sẽ bị giảm thị phần.
- Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực hạn chế của khu quân sự Cam Ranh (Quyết định Số: 44/2015/QĐ-TTg) nên khó thu hút được những nhà đầu tư, khách hàng có sản lượng lớn. Bên cạnh đó, luồng vào cảng và hệ thống hạ tầng sau cảng có nhiều hạn chế. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng vẫn còn thiếu và yếu. Hơn thế nữa, các cảng mới được đầu tư trong khu vực sẽ đầu tư phương tiện, công cụ xếp dỡ đồng bộ.
- Do vậy, Cảng Cam Ranh phải có kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cạnh tranh đối với những cảng trong khu vực và cảng mới hình thành.



# T

## Thách thức

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Cải cách về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thành công phương án sắp xếp lại cơ cấu bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, năng động (từ 07 đầu mỗi quản lý, Công ty đã sắp xếp còn 04 đầu mỗi bộ phận quản lý, chức năng) trong thực tiễn quản lý đã có bước đột phá trong việc phối hợp quy trình gắn với tác nghiệp khai thác, phục vụ khách hàng.

### Chính sách quản lý - điều hành

Cuối năm 2017, sau thời gian thử nghiệm, Công ty đã chính thức đưa ứng dụng công nghệ thông tin: “phần mềm văn phòng điện tử” vào hệ thống quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý.



### **Cách thức quảng bá thương hiệu**

Nỗ lực kết nối có kết quả công tác phối hợp với các doanh nghiệp thành viên trong Tổng Công ty nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải tương hỗ trong phát triển kinh doanh, giảm chi phí thông qua hoạt động sử dụng dịch vụ chung giữa các doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

### **Chiến lược phát triển**

Công ty thực hiện khảo sát, phân tích và dự báo thị trường cho năm 2018, nhu cầu thực tiễn của chủ hàng đã và sắp ký hợp đồng khai thác hàng qua cảng (bao gồm một số mặt hàng mới dự kiến sẽ phát sinh).





## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Kế hoạch trong năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

#### Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	% Tăng giảm so với Thực hiện 2017
1	Sản lượng hàng qua cảng	Tấn	1.633.971	1.800.000	10,16%
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	124.809	125.500	0,55%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.223	11.000	7,60%
4	Cổ tức chi trả	%	2,50%	2,50%	0,00%



### Giải pháp thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018

Bối cảnh hoạt động ngành cảng biển vẫn đang còn xu hướng tăng trưởng chậm, thực tiễn tình hình thị trường hàng hóa tại khu vực vùng hấp dẫn của Cảng Cam Ranh (Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) không có sự đột biến, trong khi đó mức độ cạnh tranh gia tăng ngay tại khu vực mà trước đây gần như DN chiếm vị trí độc quyền, nội tại doanh nghiệp cần thay đổi để theo kịp với biến động của thị trường, khả năng ứng phó với sự điều chỉnh của khách hàng. Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của năm 2018, đặc biệt không rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần, khách hàng rời bỏ, Công ty cần:

- **Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp:** Công ty đã bố trí sắp xếp lại cơ cấu bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, năng động và đặc biệt là tập trung tối đa cho sản xuất, hướng tới khách hàng một cách cao nhất. Từ 07 đầu mỗi các phòng, ban, xí nghiệp, Công ty đã sắp xếp thành 04 đầu mỗi gồm 03 phòng và 01 trung tâm. Bước đầu đã tạo được sự đồng thuận, khí thế mới, cách nghĩ, cách làm mới trong toàn thể cán bộ, công nhân viên.
- **Dành sự ưu tiên hàng đầu cho công tác thị trường:** Tập trung đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng; chấn chỉnh và đào tạo người lao động để thẩm nhuần triết lý sống còn của doanh nghiệp là phải đặt khách hàng làm trọng tâm.
- **Tập trung hơn nữa vào giải pháp khách hàng, linh hoạt trong chính sách với khách hàng** (chính sách về giá, thủ tục nhanh gọn hiệu quả...), với mục tiêu giữ vững thị phần hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng thị trường duy trì sự tăng trưởng năm sau so với năm trước. Linh hoạt trong chính sách với khách hàng để nâng cao năng lực cạnh tranh hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của cảng, kết quả của năm sau phải có sự tăng trưởng so với năm trước.
- **Giữ vững thị trường và khách hàng hiện có, phát triển mở rộng thị trường, khách hàng mới:** Khảo sát nhu cầu thị trường, khách hàng; tập trung trọng điểm thị trường khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; các khách hàng mục tiêu tiếp tục là các khách hàng lớn của cảng với mặt hàng chủ lực là dăm gỗ, cát, đá, xi măng và các Tập đoàn lớn mà Tổng công ty đã ký kết các thoả thuận hợp tác như Tập đoàn Than và Khoáng sản với các dự án than, alumin, với Tập đoàn thép, Tập đoàn xi măng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các dự án năng lượng, thiết bị; hợp tác với các cảng trong khu vực và các doanh nghiệp trong Tổng Công ty để phát triển các tuyến mới, dịch vụ chuỗi, nghiên cứu phát triển mặt hàng container để tận dụng lợi thế từ vị trí địa lý của cảng; phát triển bến thủy nội địa với hoạt động kinh doanh chính là du lịch và vận tải ven biển, sà lan.
- **Tối ưu các nguồn lực hiện hữu, áp dụng phương thức quản trị tiên tiến** hướng đến hiệu suất để gia tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận; kiểm soát hoạt động sản xuất, tiến hành rà soát các phương tiện, thiết bị để có phương án sử dụng phù hợp bao gồm cả việc thanh lý, mua sắm, thuê ngoài nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí như thuê ngoài lao động giá rẻ, cơ giới hóa trong sản xuất...

# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về**

**các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của**

**Ban Tổng Giám Đốc Công ty**

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

### Kết quả kinh doanh

Năm 2017, tình hình kinh doanh của đơn vị vẫn đang gặp khó khăn về sản lượng hàng qua cảng, các mặt hàng tiềm năng dự kiến trong kế hoạch xây dựng từ đầu năm (đá xây dựng xuất khẩu và than đá của TKV nhập qua cảng) chưa được triển khai. Mặt khác nhóm hàng thiết bị cho các nhà máy nhiệt điện, phong điện trên khu vực đã tạm ngưng trong cuối năm 2017 và chỉ mới tái triển khai vào cuối quý IV/2017. Tuy nhiên với những nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh bằng các giải pháp: tổ chức khai thác an toàn, ổn định; tiết giảm chi phí giá thành sản xuất, chi phí quản lý; mở rộng thêm các loại hình dịch vụ cung ứng; điều chỉnh chính sách kinh doanh, tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống khách hàng hiện hữu và tìm kiếm khách hàng tiềm năng nhằm lấy lại mức tăng trưởng hàng qua cảng, Công ty đã đạt được các mục tiêu:

- Kết quả kinh doanh có lãi cao hơn thực hiện năm trước: Với kết quả kinh doanh cả năm 2017, tuy không đạt các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2017 đã được thông qua ĐHĐCĐ thường niên 2017, nhưng các chỉ số kinh doanh (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) đều tăng trưởng so với thực hiện năm 2016.
- Làm chủ tài chính đối với việc trả nợ vay và lãi suất ngân hàng từ khoản nợ vay đầu tư Bến số 2 từ trước khi cổ phần hóa.



### Về công tác đầu tư

Trong năm 2017, Công ty thực hiện hoàn thành một dự án xây dựng hạ tầng (chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2016 sang) và một dự án mua sắm mới thiết bị quản lý với tổng giá trị tài sản hình thành qua đầu tư là 1,87 tỷ đồng.

Các dự án được triển khai và hoàn thành đến cuối năm 2017 đều sử dụng từ nguồn tự có. Khả năng thanh toán vốn đầu tư được bảo đảm hoàn toàn, đã được triển khai theo kế hoạch, tuân thủ quy trình về thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, thông qua đấu thầu, đã tiết kiệm được mức đầu tư. Tài sản hình thành qua đầu tư đảm bảo được tiến độ đã bàn giao, phục vụ cho quản lý doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, trong năm 2017 doanh nghiệp không phát sinh các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Tính đến 31/12/2017, doanh nghiệp có vốn đầu tư tại 1 công ty con (tổng mức đầu tư là 3,57 tỷ đồng) và 2 công ty liên kết (tổng mức đầu tư là 1,67 tỷ đồng). Kết quả các khoản đầu tư này là khá tốt (dự kiến cổ tức năm 2017 được chia tại công ty con là 10% và bình quân tại 2 công ty liên kết là 20%).

Kế hoạch trong năm 2017 được phê duyệt có dự án góp vốn liên doanh cầu Gottwald với CTCP Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới với tổng mức góp vốn của Cảng Cam Ranh (40%) là 7,2 tỷ đồng. Dự án đang triển khai với đối tác, đến cuối 2017, tài sản đã được đưa về lắp đặt và thử tải tại Cảng Cam Ranh, hai bên còn đang trong quá trình thẩm định tài sản và đã thương thảo chuẩn bị chốt thời điểm ký hợp đồng (dự kiến trong tháng 03/2018).





### Tình hình tài chính

- *Về quản lý vốn và tài sản:*

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 hơn 259 tỷ đồng, mức tăng hơn 1 tỷ đồng so với đầu kỳ ngày 01/01/2017 (tăng quỹ doanh nghiệp từ phân phối lợi nhuận 2016 và nguồn lợi nhuận chưa phân phối 2017).

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2017 xấp xỉ 367 tỷ đồng. Công ty thực hiện quản lý tài sản theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Toàn bộ tài sản cố định đang quản lý sử dụng đều được trích khấu hao đầy đủ, tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản theo chế độ tài chính quy định hiện hành. Tại Công ty trong năm 2017 không có tình trạng hàng hóa thiếu hụt, kém hoặc mất phẩm chất cần xử lý.

Đánh giá chung, các chỉ số tài chính năm 2017 của doanh nghiệp đều ở ngưỡng an toàn, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn phát triển vốn chủ sở hữu.

- *Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động*

Công ty không huy động vốn trong năm 2017.

- *Tình hình lưu chuyển tiền tệ*

Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2017 của Công ty khá tốt và ổn định. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là (11,24) tỷ đồng, dòng tiền thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh, dòng tiền chi chủ yếu cho hoạt động đầu tư và chi trả các khoản nợ vay ngân hàng. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ hơn 37 tỷ đồng.

Lượng tiền mặt mà Công ty tạo ra hiện tại đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.



### Về công tác quản lý rủi ro

Công ty thực hiện tốt công tác quản lý nợ theo Quy chế quản lý nợ đã ban hành, định kỳ phân loại nợ và có các giải pháp thu hồi nợ kịp thời.

- *Tình hình nợ phải thu tại ngày 31/12/2017:*

Tổng số nợ phải thu hơn 14 tỷ đồng, trong đó:

Nợ phải thu ngắn hạn: 13,40 tỷ đồng

Nợ phải thu dài hạn: 985 triệu đồng

Đến 31/12/2017, Công ty có 984 triệu đồng nợ phải thu quá hạn, đã trích lập dự phòng khó đòi theo chế độ tài chính quy định là 823,5 triệu đồng. Công ty đã làm đủ các thủ tục gửi Tòa án theo quy định đối với 5 khách nợ (trong đó có 3 khách nợ đã quá hạn trên 3 năm và 2 khách nợ đã nộp đơn xin phá sản).

- *Tình hình nợ phải trả tại ngày 31/12/2017:*

Tổng số nợ phải trả hơn 107 tỷ đồng, trong đó:

Nợ phải trả ngắn hạn: 15,17 tỷ đồng

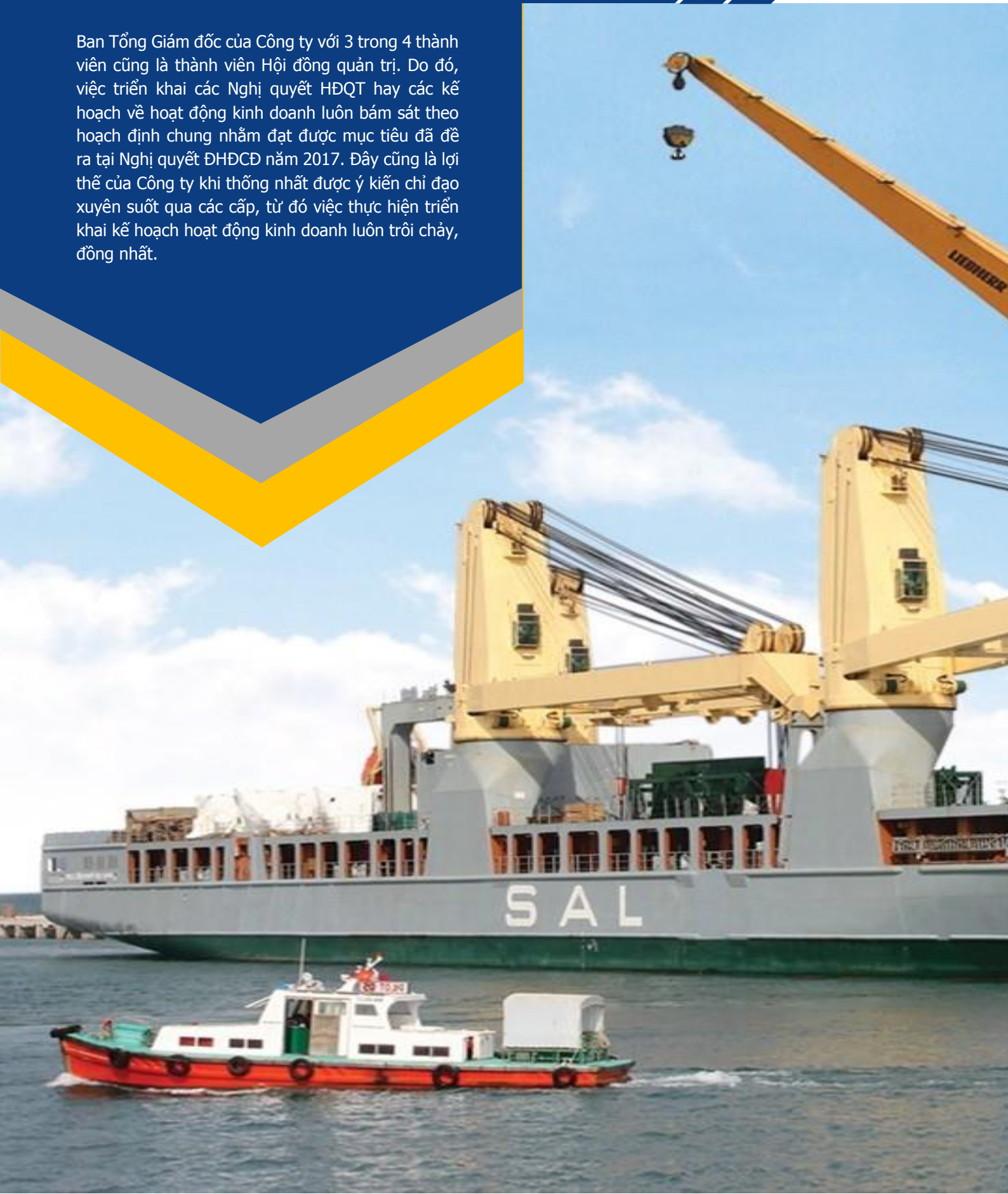
Nợ phải trả dài hạn: 92,39 tỷ đồng

Tổng nợ phải trả giảm 19,66 tỷ đồng so với đầu kỳ 01/01/2017. Trong đó nợ vay ngân hàng giảm 9,17 tỷ đồng. Doanh nghiệp có tỷ lệ nợ phải trả trên vốn tại ngày 31/12/2017 là 0,41 lần (ngưỡng cho phép là 3 lần). Các khoản nợ vay phù hợp với kế hoạch dòng tiền và khả năng tài chính của doanh nghiệp. Công ty cũng đã quản lý tốt thanh khoản, làm chủ được dòng tiền trả nợ vay. Tình hình và khả năng thanh toán nợ phải trả khá tốt, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn là 3,4 lần. Tất cả các khoản nợ gốc và lãi đều được thanh toán đúng hạn



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty với 3 trong 4 thành viên cũng là thành viên Hội đồng quản trị. Do đó, việc triển khai các Nghị quyết HĐQT hay các kế hoạch về hoạt động kinh doanh luôn bám sát theo hoạch định chung nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Đây cũng là lợi thế của Công ty khi thống nhất được ý kiến chỉ đạo xuyên suốt qua các cấp, từ đó việc thực hiện triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh luôn trôi chảy, đồng nhất.





## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Mục tiêu, kế hoạch trong năm 2018:

Năm 2018, xác định nhiệm vụ trọng tâm là “Tập trung nguồn lực thực hiện đề án tái cấu trúc tổ chức quản lý điều hành, đổi mới công tác quản trị; triển khai bước tiếp theo của chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2016-2020 là: đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đầu tư phát triển, đa dạng hóa loại hình dịch vụ; nâng cao hiệu suất/năng suất khai thác; quản lý chi phí hiệu quả, tiết kiệm”, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ với kế hoạch, định hướng sau:

- **Chỉ đạo công tác kinh doanh** đảm bảo giữ vững thị phần và duy trì tối đa hiệu quả kinh doanh, tăng sản lượng hàng khai thác qua cảng so với 2017.
- **Công tác tài chính:** Tiếp tục chủ động trong công tác huy động vốn để thực hiện các kế hoạch đầu tư đã đề ra, phù hợp với thời gian đầu tư và kế hoạch dòng tiền các dự án, khả năng tài chính hiện có. Tập trung tích lũy, trả trước hạn 1 phần khoản nợ vay ngân hàng, giảm áp lực chi phí lãi vay.
- **Chỉ đạo công tác quản lý và vận hành** quy trình tổ chức khai thác cảng đảm bảo an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng dịch vụ, hiệu quả và tiết kiệm.
- **Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến** hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Công ty cho phù hợp với thực tiễn.
- **Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển**, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực kho bãi để thực hiện chiến lược phát triển đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng, chuẩn bị bước đầu cho các dự án đầu tư chiến lược cho giai đoạn sau năm 2020.



**Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019 – 2020**

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
<b>I. TỔNG TÀI SẢN</b>	Triệu đồng	<b>395.000</b>	<b>400.000</b>
* Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	265.000	270.000
<b>II. KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
1. Tổng doanh thu & thu nhập	Triệu đồng	148.200	163.000
2. Tổng chi phí	Triệu đồng	132.200	145.000
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	16.000	18.000
4. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.900	14.500
<b>III. CHỈ SỐ SINH LỜI</b>			
1. Thu nhập trước thuế và lãi vay EBIT	Triệu đồng	23.000	25.000
2. Doanh lợi doanh thu ROS	%	8,70%	8,90%
3. Doanh lợi tài sản ROA	%	3,27%	3,63%
4. Doanh lợi vốn chủ sở hữu ROE	%	4,87%	5,37%

**Định hướng sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2019 – 2020:**

- **Về dịch vụ khai thác cảng biển:**

Mở rộng thị trường, xây dựng chiến lược marketing; chiến lược giá linh động phù hợp với từng nhóm hàng và từng khu vực. Trên cơ sở nguồn vốn tự có, các nguồn vốn khác và nhu cầu thực tế sẽ thực hiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện trang thiết bị đảm bảo hiệu quả. Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: "Mở rộng thị trường trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có";

*Cơ cấu lại sản xuất kinh doanh:* Tập trung rà soát, phân tích hiệu quả hoạt động của từng mảng dịch vụ qua kết quả kinh doanh các năm trước, dự báo thị trường, đánh giá tiềm năng phát triển của từng nhóm dịch vụ để cơ cấu lại theo hướng thu gọn những hoạt động không hiệu quả, củng cố phát triển những dịch vụ có lợi trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính phù hợp trong đó có dịch vụ khai thác hàng container;

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển, lĩnh vực này đang có triển vọng lớn và tiềm năng mang lại từ các Hiệp định thương mại FTA và VN-EU trong tương lai. Bên cạnh đó, khối lượng vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam bằng đường biển chiếm tới khoảng 80% tổng khối lượng hàng hóa, điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ tập trung nguồn lực cho công tác dự báo, tìm kiếm và mở rộng thị trường làm cơ sở cho chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kinh doanh phù hợp, chủ động đưa ra các phương án ứng phó với diễn biến thực tế của thị trường.

- **Về dịch vụ hàng hải và dịch vụ hỗ trợ:**

Tận dụng lợi thế về quỹ đất được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng, Công ty sẽ thực hiện ý tưởng phát triển khu dịch vụ hậu cần sau cảng gồm hệ thống kho bãi và trung tâm logistics để hình thành chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, thu hút nguồn hàng hoá từ khu vực Nam Tây Nguyên, các tỉnh Nam Trung Bộ qua cảng biển của Công ty.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH



## Hội đồng quản trị

### Thành viên và cơ cấu HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ghi chú
Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch HĐQT	11.400	0,05%	Thành viên không điều hành
Phạm Hữu Tấn	Thành viên HĐQT	52.600	0,21%	Thành viên điều hành
Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT	21.300	0,09%	Thành viên điều hành
Nguyễn Huy Phương	Thành viên HĐQT	20.200	0,08%	Thành viên điều hành
Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	-	-	Thành viên không điều hành
Hoàng Quốc Phương	Thành viên HĐQT	-	-	Thành viên không điều hành
Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	-	-	Thành viên không điều hành

### Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp trong đó 05 lần họp trực tiếp và 07 lần họp gián tiếp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	21/04/2016		12/12	100%	
Lê Minh Khôi	Phó chủ tịch	25/06/2015	04/12/2017	12/12	100%	
Dương Văn Thành	Ủy viên	25/06/2015		12/12	100%	
Phạm Hữu Tấn	Ủy viên	25/06/2015		12/12	100%	
Nguyễn Huy Phương	Ủy viên	25/06/2015		12/12	100%	
Nguyễn Văn Tài	Ủy viên	25/06/2015		12/12	100%	
Hoàng Quốc Phương	Ủy viên	27/10/2015		12/12	100%	
Nguyễn Đăng Song	Ủy viên	04/12/2017				Tham gia từ 12/2017



**Và ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định như sau:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	25/2017/NQ-CCR.HĐQT	10/01/2017	Bổ nhiệm Trưởng phòng KDĐT Cảng Cam Ranh đối với bà Nguyễn Thị Thu Thủy và cử NĐDPV góp của Cảng Cam Ranh tại Công ty CP DVHH Cảng Cam Ranh đối với ông Trương Văn Hòa
2	26/2017/NQ-CCR.HĐQT	03/02/2017	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh đầu tư năm 2017; Phê duyệt chiến lược phát triển Cảng Cam Ranh giai đoạn 5 năm 2016-2020 và Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của Cảng Cam Ranh
3	27/2017/NQ-CCR.HĐQT	03/03/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
4	28/2017/NQ-CCR.HĐQT	13/03/2017	Thông qua Báo cáo kiểm toán năm 2016 và Báo cáo thường niên năm 2016
5	29/2017/NQ-CCR.HĐQT	16/03/2017	Thông qua Quy chế trích lập và phân phối Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành
6	30/2017/NQ-CCR.HĐQT	07/04/2017	Thông qua đầu tư kho bãi cho thuê và đầu tư cầu băng hình thức hợp tác kinh doanh
7	31/2017/NQ-CCR.HĐQT	27/04/2017	Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2017 và Kế hoạch Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017
8	32/2017/NQ-CCR.HĐQT	19/05/2017	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
9	33/2017/NQ-CCR.HĐQT	23/06/2017	Ban hành Quy chế quản lý và hoạt động NĐDPV của CCR tại DN có vốn góp
10	34/2017/NQ-CCR.HĐQT	26/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án san lấp tạo bãi tại khu vực nền bãi dự án bến số 2- Giai đoạn 1; Hạng mục Bãi số 3-KBIII từ 9.200.000.000 đồng lên 10.674.002.292 đồng</li> <li>- Điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án đầu tư Bến thủy nội địa từ 1.500.000.000 đồng lên 6.892.383.000 đồng và phải phân kỳ đầu tư hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả của dự án;</li> <li>- Chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (CMS) lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư tổ hợp dịch vụ lưu trú và trạm dừng nghỉ khách du lịch Cảng Cam Ranh trên cơ sở thuê lại lô đất văn phòng cũ của Cảng Cam Ranh</li> </ul>
11	35/2017/NQ-CCR.HĐQT	26/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;</li> <li>- Chấp thuận đề nghị của Tổng giám đốc về việc điều động bổ nhiệm và giao nhiệm vụ các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo Kế hoạch triển khai Phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Công ty</li> </ul>

12	36/2017/NQ-CCR.HĐQT	04/12/2017	-Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2015-2020 đối với ông Lê Minh Khôi kể từ ngày 04/12/2017
13	37/2017/NQ-CCR.HĐQT	04/12/2017	-Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2015-2020 đối với ông Nguyễn Đăng Song kể từ ngày 04/12/2017
14	38/2017/NQ-CCR.HĐQT	04/12/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng Bến thủy nội địa Thống nhất chủ trương để Tổng giám đốc đàm phán, thỏa thuận với Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không (Skypec) về việc đầu tư xây dựng công trình với diện tích (2ha) trên phần diện tích của dự án khu hàng tổng hợp và hàng lỏng (13ha) tại Cảng Cam Ranh.
15	38/2017/NQ-CCR.HĐQT	20/12/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đường cống cảng, cầu cảng, trong đó thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư giai đoạn 1: Hạng mục Bê tông xi măng khu vực Cống kiểm soát Ban hành Quy chế tổ chức quản lý, điều hành Công ty CP Cảng Cam Ranh

### Thay đổi nhân sự trong năm 2017

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Minh Khôi	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ 04/12/2017
2	Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ 04/12/2017

### Danh sách các thành viên HĐQT đã có chứng chỉ về quản trị Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch HĐQT
2	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT
3	Phạm Hữu Tấn	Thành viên HĐQT
4	Hoàng Quốc Phương	Thành viên HĐQT

## Ban kiểm soát

### Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	-	-
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên BKS	19.400	0,08%
3	Dương Thị Thanh Mai	Thành viên BKS	5.800	0,02%

### Hoạt động Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức riêng 02 cuộc họp có các thành viên BKS tham gia với nội dung cụ thể như sau:

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	25/06/2015	-	02	100%	
Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	21/04/2016	-	02	100%	
Dương Thị Thanh Mai	Thành viên	21/04/2016	-	01	100%	Nghỉ thai sản

### Công tác cụ thể đã thực hiện:

Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2017, BKS đã thực hiện giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2017 của Cảng Cam Ranh.

Tại kỳ họp tháng 8/2017, BKS đã thống nhất việc phân công giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2017.



## Hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

### *Về hoạt động của Hội đồng Quản trị:*

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. Giám sát Hội đồng quản trị trong việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

### *Về hoạt động của Ban Giám đốc*

Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ thường niên và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các Quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. BKS thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế, theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

## **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm**

HĐQT và BKS cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT, BKS được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để phục vụ kịp thời cho công việc giám sát của HĐQT, BKS đối với Tổng giám đốc.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.399.888.847</b>	<b>171.607.000</b>
1	Nguyễn Việt Nhâm	386.472.448	28.132.000
2	Lê Minh Khôi	-	25.319.000
3	Dương Văn Thành	319.733.475	22.506.000
4	Phạm Hữu Tấn	386.980.448	28.132.000
5	Nguyễn Huy Phương	306.702.475	22.506.000
6	Nguyễn Văn Tài	-	22.506.000
7	Hoàng Quốc Phương	-	22.506.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>207.447.563</b>	<b>32.193.000</b>
1	Dương Thị Hồng Hạnh	-	19.693.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	122.305.270	6.500.000
3	Dương Thị Thanh Mai	85.142.293	6.000.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>	<b>1.341.527.552</b>	<b>81.521.000</b>
1	Phạm Hữu Tấn	386.980.448	28.132.000
2	Dương Văn Thành	319.733.475	22.506.000
3	Nguyễn Văn Thắng	328.111.153	8.377.000
4	Nguyễn Huy Phương	306.702.475	22.506.000

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan:

Không có.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan của Công ty:

Không có.

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ năm 2015, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---

Quản lý nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ nước

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng  
đồng địa phương

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH





## Công tác bảo vệ môi trường

### 1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xăng	Lít	534.000	
2	Dầu diesel	Lít	1.337.000	Phục vụ sản xuất và cung ứng cho khách hàng (phương tiện vận tải thủy, bộ)
3	Nhớt động cơ	Lít	2.000	
4	Điện năng	Kwh	470.000	

### 2. Tiêu thụ năng lượng:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xăng	Lít	10.000	Phục vụ sản xuất nội bộ
2	Dầu diesel	Lít	80.000	
3	Nhớt	Lít	1.000	
4	Điện năng	Kwh	430.000	

### 3. Tiêu thụ nước:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Nước	m <sup>3</sup>	30.000	Phục vụ sinh hoạt và kinh doanh

#### Các phê duyệt pháp lý của cơ quan thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường cho Công ty

- Quyết định số 164/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 10/8/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa phê duyệt “Đề án bảo vệ môi trường Cảng Cam Ranh”.
- Quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 – Cảng Ba Ngòi (Cảng Cam Ranh).
- Quyết định số 1834/QĐ – UBND ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Cảng Cam Ranh.
- Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND Tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của hệ thống kho bãi tại Cảng Cam Ranh.
- Hiện nay Công ty đang có Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 của Công ty CP Chứng nhận Và Giám định Vinacert cấp Xây dựng và vận hành quản lý theo tiêu chuẩn ISO – 14001:2015.

## Về thực hiện công tác kiểm soát và bảo vệ môi trường

- Công tác bảo vệ môi trường biển được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Đề án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.
- Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.
- Vào thời điểm cuối năm, công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại Công ty đều được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, đánh giá tác động môi trường.
- Căn cứ các yêu cầu về bảo vệ và kiểm soát môi trường từ các Đề án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... Cảng Cam Ranh thực hiện như sau:
  - ✓ Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng về phân tích mẫu môi trường như Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Khánh Hoà, Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khánh Hoà .... để lấy mẫu và phân tích các yếu tố môi trường. Sau khi có kết quả phân tích, Công ty lập báo cáo và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ.
  - ✓ Tổ chức diễn tập Ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở dưới sự chứng kiến của Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nha Trang tại Cam Ranh hoặc cử cán bộ tham gia tập huấn về do các đơn vị chức năng trên địa bàn tổ chức.
  - ✓ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa kỹ thuật định kỳ, kiểm định hàng năm đối với các phương tiện thiết bị sản xuất như xe cẩu, tàu kéo, dụng cụ xếp dỡ... tại các cơ sở dịch vụ, nhà máy đóng tàu Nha Trang để đảm bảo an toàn cho thiết bị trong quá trình sản xuất và giảm thiểu tiêu hao năng lượng.
  - ✓ Duy trì công tác kiểm tra che phủ bạt trên các phương tiện vận tải hoạt động trong khu vực cảng để đảm bảo an toàn giao thông, hạn chế thấp nhất vấn đề rơi vãi hàng hoá gây ô nhiễm môi trường.
  - ✓ Tiếp tục ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình đô thị Cam Ranh để thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt hàng ngày và thu gom hàng hoá rơi vãi về bãi rác tập trung của thành phố Cam Ranh.
  - ✓ Thu gom và bảo quản chất thải nguy hại tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời.
  - ✓ Nâng cấp hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng đường nội bộ, chiếu sáng cầu cảng, kho bãi và thay thế dần các thiết bị đèn chiếu sáng cao áp bằng đèn Compact để giảm độ nóng gây hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm điện.
  - ✓ Đẩy mạnh phong trào "Phát huy sáng kiến – cải tiến kỹ thuật, công nghệ", đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào quy trình xếp dỡ và luôn cải tiến để phù hợp hơn với thực tiễn sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động và vệ sinh môi trường.
  - ✓ Duy trì tổ chức dọn vệ sinh khu vực cơ quan làm việc vào sáng thứ bảy hàng tuần. Thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh, phát quang khu vực văn phòng làm việc, kho bãi, trục đường nội.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

### ❖ **Đối với đội ngũ nhân viên**

Công ty quan tâm đến mục tiêu cung cấp môi trường tốt để làm việc, cơ chế tuyển dụng đa dạng trong nhiều lĩnh vực công việc khác nhau, khuyến khích sự đột phá của mỗi cá nhân và tạo cơ hội công bằng cho tất cả nhân viên, khuyến khích sự tham gia của nhân viên vào mọi hoạt động của công ty, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe tinh thần và vật chất của nhân viên, bảo vệ và duy trì quyền lao động tại nơi làm việc dựa trên các nguyên tắc cơ bản được thể hiện trong quy tắc ứng xử và chính sách nguồn nhân lực hiện đang được áp dụng.

### ❖ **Đối với khách hàng**

Công ty chú trọng tới việc mang lại sự hài lòng cho mọi đối tượng khách hàng mỗi ngày. Công ty dự kiến phát triển thị trường, và liên tục thực hiện đổi mới để cung cấp các dịch vụ và cải tiến liên tục trong hoạt động và tìm kiếm các giải pháp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



**❖ *Đôi với nhà cung cấp***

Để đảm bảo đầy đủ nguồn cung ứng chủ chốt về lực lượng nhân công cũng như phương tiện thiết bị khi cần thuê ngoài, Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng quan hệ đối tác lâu dài với các nhà cung cấp tại địa phương bằng các hợp đồng nguyên tắc hợp tác bền vững.

**❖ *Đôi với cộng đồng***

Với vị thế là một doanh nghiệp có sức hấp dẫn thu hút tại địa bàn, chính sách của Công ty là luôn tuyển dụng lao động tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho cộng đồng tại địa bàn Công ty đang hoạt động.

Công ty khuyến khích sử dụng các nhà cung cấp địa phương, đặc biệt là cung ứng các dịch vụ xếp dỡ bằng nhân công hoặc thiết bị máy móc, dịch vụ vận chuyển. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài đang sử dụng của Công ty hầu hết từ nguồn cung cấp tại địa phương.

Công ty là một trong những doanh nghiệp có sự cam kết và liên tục thực hiện các hoạt động đóng góp cho chương trình nhân đạo, cứu trợ thiên tai, xóa đói giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục của địa phương.

***Những hoạt động cụ thể trong năm 2017:***

- Nhận đỡ đầu cho 7 cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc P.Cam Linh, TP.Cam Ranh, mỗi cháu 250.000đ/tháng.
- Doanh nghiệp giúp đỡ xóa đói, giảm nghèo cho các hộ nghèo tại xã Cam Thịnh Tây theo chương trình 30a của Chính phủ với tổng số tiền: 50.000.000 đồng
- Ủng hộ lũ lụt các tỉnh miền núi phía Bắc: 78.000.000 đồng
- Ngoài ra, doanh nghiệp còn ủng hộ các quỹ tại địa phương như:
  - Chương trình "Tết sum vầy - 2017" cho công nhân viên chức lao động nghèo đón tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017
  - Các Hội nạn nhân chất độc da cam, Hội người nghèo...

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Khái quát về Công ty

Công ty là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 6 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH Một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3 854 307
- Fax : 0258 3 854 536

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa; đường bộ khác; ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; ven biển và viễn dương; đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa container; Dịch vụ vệ sinh container;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Chế biến đăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến đăm gỗ;
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cho thuê xe có động cơ; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Minh Khôi	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2017
Ông Dương Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Hữu Tấn - Tổng Giám đốc ( bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;



- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Hữu Tân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 09 tháng 02 năm 2018



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Số: 3.009/18/TC-AC

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 10 tháng 3 năm 2017.



**Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

**Trần Nhật Khuyên - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2794-2014-008-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>51.827.713.624</b>	<b>55.589.072.693</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>37.545.354.541</b>	<b>48.793.567.722</b>
1. Tiền	111		10.909.380.316	17.786.590.858
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.635.974.225	31.006.976.864
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.401.408.747</b>	<b>5.963.967.410</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.116.168.414	5.762.639.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.608.666.667	315.816.591
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.500.143.990	602.770.305
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(823.570.324)	(717.259.138)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>775.483.845</b>	<b>676.616.393</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	775.483.845	676.616.393
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>105.466.491</b>	<b>154.921.168</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	105.466.491	118.435.610
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	36.485.558
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>315.135.971.077</b>	<b>330.020.012.847</b>

<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>984.876.000</b>	<b>984.876.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	984.876.000	984.876.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>308.573.603.323</b>	<b>321.818.636.847</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	308.573.603.323	321.818.636.847
-	<i>Nguyên giá</i>	222		486.536.211.085	484.139.392.130
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(177.962.607.762)	(162.320.755.283)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
-	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>328.303.637</b>	<b>2.689.927.272</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	328.303.637	2.689.927.272
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.670.000.000</b>	<b>1.670.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	1.670.000.000	1.670.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.579.188.117</b>	<b>2.856.572.728</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.579.188.117	2.856.572.728
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>366.963.684.701</b>	<b>385.609.085.540</b>

<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>107.559.485.487</b>	<b>127.217.391.984</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.171.365.487</b>	<b>29.349.392.984</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	699.173.227	1.549.256.040
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	524.575.325	64.149.653
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.709.057.099	450.228.424
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.376.533.999	2.507.106.982
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	40.000.000	2.320.836.363
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	681.000.000	1.529.040.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	34.000.000	15.083.586.081
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	6.000.000.000	5.177.200.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.107.025.837	667.989.259
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.388.120.000</b>	<b>97.867.999.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	3.063.600.000	3.463.199.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3.324.520.000	54.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	86.000.000.000	94.350.800.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>259.404.199.214</b>	<b>258.391.693.556</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>259.404.199.214</b>	<b>258.391.693.556</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(284.000.000)	(284.000.000)

6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	2.407.553.411	1.581.275.817
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	8.100.178.721	7.653.013.104
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>				
	<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421		928.294.375	7.653.013.104
	<i>a</i>				
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		7.171.884.346	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	4.162.297.082	4.423.234.635
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>366.963.684.701</b>	<b>385.609.085.540</b>



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu





Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Hữu Tấn  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.878.486.849	104.627.846.665
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.878.486.849	104.627.846.665
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.246.369.105	73.607.793.676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.632.117.744	31.020.052.989
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	723.389.117	2.265.151.957
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.690.880.556	7.483.322.028
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.687.788.888	7.483.322.028
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	312.614.746	281.753.480
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.252.957.946	15.615.889.732
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.099.053.613	9.904.239.706
12. Thu nhập khác	31	VI.7	207.240.889	319.253.690
13. Chi phí khác	32	VI.8	82.847.299	156.842.650
14. Lợi nhuận khác	40		124.393.590	162.411.040
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.223.447.203	10.066.650.746
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.121.430.726	1.926.189.019
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.102.016.477	8.140.461.727
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.546.200.435	7.363.979.222

20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		555.816.042	776.482.505
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	248	253
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	248	253



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu





Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Hữu Tấn  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>10.223.447.203</b>	<b>10.066.650.746</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	15.701.242.023	14.844.017.815
- Các khoản dự phòng	03		106.311.186	288.392.975
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.091.668	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(769.713.206)	(2.210.836.881)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.687.788.888	7.483.322.028
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33.952.167.762</b>	<b>30.471.546.683</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.466.866.965)	23.008.328.552
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(98.867.452)	5.656.848
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.717.802.267)	(7.286.308.392)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(709.646.270)	376.113.090
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(8.687.788.888)	(7.483.322.028)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.282.644.262)	(2.110.199.648)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, 20	(1.241.259.341)	(988.493.381)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.747.292.317</b>	<b>35.993.321.724</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.280.042.592)	(15.144.163.212)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		150.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.074.389.117	1.896.035.839
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.055.198.930)</b>	<b>(13.248.127.373)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	225.610.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(284.000.000)
3.	Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a, b (7.528.000.000)	(5.177.200.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20 (5.409.214.900)	(2.891.181.700)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.937.214.900)</b>	<b>(8.126.771.700)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(11.245.121.513)</b>	<b>14.618.422.651</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 48.793.567.722</b>	<b>34.175.145.071</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.091.668)	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 37.545.354.541</b>	<b>48.793.567.722</b>



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu





Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Hữu Tấn  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; cung cấp dịch vụ kho vận và bán lẻ nhiên liệu, chất đốt.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

##### 5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh có trụ sở chính tại số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi; dịch vụ vận chuyển hàng hóa; cho thuê xe có động cơ; cung ứng lao động tạm thời; dịch vụ hàng hải; cung cấp dịch vụ neo đậu tàu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 194 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 220 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con

được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 39
Máy móc và thiết bị	04 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 06

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*



Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài

sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## 20. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	802.868.872	560.258.593
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.106.511.444	17.226.332.265
Các khoản tương đương tiền	26.635.974.225	31.006.976.864
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	26.635.974.225	31.006.976.864
<b>Cộng</b>	<b>37.545.354.541</b>	<b>48.793.567.722</b>

### **2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>9.116.168.414</b>	<b>5.762.639.652</b>
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam - Ban quản lý dự án Tổ hợp Bauxit - Nhôm Lâm	1.913.702.828	-
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	1.011.895.756	-
Công ty TNHH Khai thác Thương mại Vận tải Thiên Phú Phát	248.401.700	859.811.130
Công ty Cổ phần Đồng Nai	613.779.750	1.850.200.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	457.802.124	537.802.124
Các khách hàng khác	4.870.586.256	2.514.826.398
<b>Cộng</b>	<b>9.116.168.414</b>	<b>5.762.639.652</b>

### **3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>1.608.666.667</b>	<b>315.816.591</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Khánh Vĩnh	1.460.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	-	45.500.000
Công ty Cổ phần Phong lan Trắng	-	103.757.500
Các nhà cung cấp khác	148.666.667	166.559.091
<b>Cộng</b>	<b>1.608.666.667</b>	<b>315.816.591</b>

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.000.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>500.143.990</b>	-	<b>602.770.305</b>	-
Cổ tức phải thu	-	-	351.000.000	-
Tạm ứng	305.600.000	-	168.193.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	191.543.990	-	83.577.305	-
<b>Cộng</b>	<b>3.500.143.990</b>	-	<b>602.770.305</b>	-

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Số dư phản ánh chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách Nhà nước (kể từ năm 2021).

**5. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức khác</b>						
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	Từ 2 đến 3 năm	457.802.124	137.340.637	Trên 1 năm	537.802.134	268.901.067

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 2 năm	313.446.926	23.111.082	Trên 2 năm	264.822.939	29.237.861
<b>Cộng</b>		<b>984.022.043</b>	<b>160.451.719</b>		<b>1.015.398.066</b>	<b>298.138.928</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	717.259.138	428.866.163
Trích lập dự phòng bổ sung	106.311.186	288.392.975
<b>Số cuối năm</b>	<b>823.570.324</b>	<b>717.259.138</b>

## 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	181.603.586	-	206.654.235	-
Công cụ, dụng cụ	247.241.327	-	259.254.292	-
Hàng hóa	346.638.932	-	210.707.866	-
<b>Cộng</b>	<b>775.483.845</b>	<b>-</b>	<b>676.616.393</b>	<b>-</b>

## 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	85.283.391	102.705.610
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.183.100	15.730.000
<b>Cộng</b>	<b>105.466.491</b>	<b>118.435.610</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.266.301.711	1.493.435.126
Chi phí công cụ dụng cụ	615.799.478	252.268.399
Lợi thế kinh doanh	75.271.636	85.308.436
Chi phí khác	621.815.292	1.025.560.767
<b>Cộng</b>	<b>3.579.188.117</b>	<b>2.856.572.728</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	442.483.063.145	24.833.862.502	15.781.316.043	1.041.150.440	484.139.392.130
Đầu tư trong năm	--	-	692.236.364	128.050.774	820.287.138
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.740.051.817	-	-	-	1.740.051.817
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(163.520.000)	-	(163.520.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>444.223.114.962</b>	<b>24.833.862.502</b>	<b>16.310.032.407</b>	<b>1.169.201.214</b>	<b>486.536.211.085</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	687.636.399	109.549.445	797.185.844
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	139.373.083.453	13.290.594.138	8.945.341.078	711.736.614	162.320.755.283
Khấu hao trong năm	12.814.621.248	1.334.533.500	1.444.494.933	107.592.342	15.701.242.023
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(59.389.544)	-	(59.389.544)
<b>Số cuối năm</b>	<b>152.187.704.701</b>	<b>14.625.127.638</b>	<b>10.330.446.467</b>	<b>819.328.956</b>	<b>177.962.607.762</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	303.109.979.692	11.543.268.364	6.835.974.965	329.413.826	321.818.636.847

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>292.035.410.261</b>	<b>10.208.734.864</b>	<b>5.979.585.940</b>	<b>349.872.258</b>	<b>308.573.603.323</b>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 254.365.147.381 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	820.287.138	(820.287.138)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.740.051.817	328.303.637	(1.740.051.817)	-	328.303.637
- Công trình Cổng kiểm soát và nhà kiểm tra liên ngành	1.740.051.817	-	(1.740.051.817)	-	-
- Công trình Bến số 2 - Hạng mục Bãi số 3-KB(III)	-	306.719.091	-	-	306.719.091
- Công trình: Đường cống cảng - Cầu cảng, hạng mục: Bê tông xi măng khu vực vực cống kiểm soát	-	21.584.546	-	-	21.584.546
Sửa chữa lớn tài sản cố định	949.875.455	1.594.891.802	-	(2.544.767.257)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.689.927.272</b>	<b>2.743.482.577</b>	<b>(2.560.338.955)</b>	<b>(2.544.767.257)</b>	<b>328.303.637</b>

### 10. Khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.670.000.000</b>	-	<b>1.670.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Thị Cam Ranh	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Cộng</b>	<b>1.670.000.000</b>	-	<b>1.670.000.000</b>	-

*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn****11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>699.173.227</b>	<b>1.549.256.040</b>
Công ty TNHH Khai thác Thương mại Vận tải Thiên Phú Phát	-	1.037.356.650
Công ty TNHH An Khang	269.728.822	-
Các nhà cung cấp khác	429.444.405	511.899.390
<b>Cộng</b>	<b>699.173.227</b>	<b>1.549.256.040</b>

**11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>524.575.325</b>	<b>64.149.653</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Việt Anh	145.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối miền Nam	196.350.000	-
Các khách hàng khác	183.225.325	64.149.653
<b>Cộng</b>	<b>524.575.325</b>	<b>64.149.653</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	289.005.811	-	4.855.300.524	(4.358.779.497)	785.526.838	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.129.820	36.485.558	2.121.430.726	(1.282.644.262)	900.430.726	-



	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	63.092.793	-	151.844.610	(191.837.868)	23.099.535	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	10.227.983	(10.227.983)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	360.570.600	(360.570.600)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>450.228.424</b>	<b>36.485.558</b>	<b>7.506.374.443</b>	<b>(6.211.060.210)</b>	<b>1.709.057.099</b>	<b>-</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Các dịch vụ phục vụ cho tàu vận tải quốc tế	0%
Dịch vụ cấp nước	5%
Dịch vụ hàng hải, bốc xếp, cho thuê kho thuê bãi, cân, dịch vụ khác	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh. Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo do Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty áp dụng thuế suất 17%.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất*

Công ty mẹ nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<b>Khu vực</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá (VND/m<sup>2</sup>)</b>
Văn phòng xí nghiệp	8.255,5	6.480
Khu vực kho bãi số 1	25.000	3.888
	68.600	3.059

#### *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Là số dư quỹ lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>40.000.000</b>	<b>2.320.836.363</b>
Chi phí xây dựng	-	2.200.836.363
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	40.000.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>2.320.836.363</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn****16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>681.000.000</b>	<b>1.529.040.182</b>
Doanh thu cho thuê mặt bằng	681.000.000	1.018.681.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	-	510.359.182
<b>Cộng</b>	<b>681.000.000</b>	<b>1.529.040.182</b>

**16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Là doanh thu cho thuê mặt bằng chưa thực hiện.

**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>34.000.000</b>	<b>15.026.267.156</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Chi phí khởi công Bến số 2 và VAT liên quan	-	15.026.267.156
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	34.000.000	-
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>-</b>	<b>57.318.925</b>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	57.318.925
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000</b>	<b>15.083.586.081</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Thái Hưng	3.314.520.000	-
Các khách hàng khác	10.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.324.520.000</b>	<b>54.000.000</b>

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>5.177.200.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	6.000.000.000	5.177.200.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>5.177.200.000</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	5.177.200.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(5.177.200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.000.000.000</b>

**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>94.350.800.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng	86.000.000.000	94.350.800.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang <sup>(1)</sup>	86.000.000.000	92.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP An Bình Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	-	2.350.800.000
<b>Cộng</b>	<b>86.000.000.000</b>	<b>94.350.800.000</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng Bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, hạn mức vay là 100 tỷ VND. Khoản vay này chịu lãi suất là 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng kể từ tháng thứ 13 trở đi. Thời hạn cho vay là 12 năm (144 tháng), kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.000.000.000	5.177.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	32.000.000.000	30.350.800.000
Trên 5 năm	54.000.000.000	64.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.000.000.000</b>	<b>99.528.000.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	94.350.800.000
Số tiền vay đã trả	(2.350.800.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.000.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>86.000.000.000</b>

#### 18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	275.854.357	576.811.638	(408.211.000)	444.454.995
Quỹ phúc lợi	344.595.157	744.618.470	(463.210.000)	626.003.627
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	47.539.745	247.204.470	(258.177.000)	36.567.215
<b>Cộng</b>	<b>667.989.259</b>	<b>1.568.634.578</b>	<b>(1.129.598.000)</b>	<b>1.107.025.837</b>

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	245.018.170.000	-	272.570.132	5.451.897.833	3.733.340.585	254.475.978.550
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	225.610.000	225.610.000
Mua lại cổ phiếu quỹ		(284.000.000)				(284.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.363.979.222	776.482.505	8.140.461.727
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.308.705.685	(1.538.718.408)	230.012.723	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.173.963.843)	(101.211.178)	(1.275.175.021)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.450.181.700)	(441.000.000)	(2.891.181.700)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(284.000.000)</b>	<b>1.581.275.817</b>	<b>7.653.013.104</b>	<b>4.423.234.635</b>	<b>258.391.693.556</b>

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	245.018.170.000	(284.000.000)	1.581.275.817	7.653.013.104	4.423.234.635	258.391.693.556
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016	-	-	710.591.000	(710.591.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(1.421.182.207)	-	(1.421.182.207)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2017	-	-	115.686.594	(115.686.594)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(75.196.286)	(72.256.085)	(147.452.371)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(4.894.683.400)	(514.531.500)	(5.409.214.900)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	7.546.200.435	555.816.042	8.102.016.477
Phân loại lại	-	-	-	(111.661.341)	-	(111.661.341)
Chi khác	-	-	-	229.966.010	(229.966.010)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(284.000.000)</b>	<b>2.407.553.411</b>	<b>8.100.178.721</b>	<b>4.162.297.082</b>	<b>259.404.199.214</b>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	198.230.150.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	34.971.020.000
Các cổ đông khác	11.817.000.000	11.817.000.000
<b>Cộng</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>245.018.170.000</b>

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.473.417	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	28.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.473.417	24.473.417

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 710.591.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 497.414.207
• Trích quỹ phúc lợi	: 710.591.000

- Trích quỹ thường ban điều hành : 213.177.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông : 4.894.683.400

## 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	356.682.608	355.747.721
Trên 1 năm đến 5 năm	1.228.300.000	1.258.615.962
Trên 5 năm	1.435.595.790	1.756.812.483
<b>Cộng</b>	<b>3.020.578.398</b>	<b>3.371.176.166</b>

### 21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 67.319,22 USD (số đầu năm là 67.332,42 USD).

### 21c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ phải thu khách hàng khó đòi đã xử lý cuối năm là 191.699.724 VND (số đầu năm là 179.030.770 VND).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	24.360.907.906	18.261.131.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.517.578.943	86.366.715.611
<b>Cộng</b>	<b>123.878.486.849</b>	<b>104.627.846.665</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.207.420.020	16.517.163.616
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.038.949.085	57.090.630.060
<b>Cộng</b>	<b>90.246.369.105</b>	<b>73.607.793.676</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	705.889.117	1.527.535.839
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.500.000	719.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	18.116.118
<b>Cộng</b>	<b>723.389.117</b>	<b>2.265.151.957</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	8.687.788.888	7.483.322.028
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.091.668	-
<b>Cộng</b>	<b>8.690.880.556</b>	<b>7.483.322.028</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	220.800.000	218.300.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.735.272	31.735.272
Các chi phí khác	60.079.474	31.718.208
<b>Cộng</b>	<b>312.614.746</b>	<b>281.753.480</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	4.405.380.944	5.096.236.577
Chi phí vật liệu quản lý	144.905.243	239.963.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.672.994	389.187.378
Dự phòng phải thu khó đòi	9.062.398	21.841.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.756.580	1.687.497.469
Các chi phí khác	620.539.140	473.255.872
<b>Cộng</b>	<b>6.785.317.299</b>	<b>7.907.982.194</b>

**7. Thu nhập khác**



	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.324.089	-
Tiền bồi thường	-	77.299.200
Thu nhập từ tiền thưởng giải phóng tàu	141.424.800	202.424.468
Thu nhập khác	19.492.000	39.530.022
<b>Cộng</b>	<b>207.240.889</b>	<b>319.253.690</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	36.198.958
Chi tiền thưởng giải phóng tàu	70.712.400	97.244.725
Các khoản phạt	278.815	23.398.967
Chi phí khác	11.856.084	-
<b>Cộng</b>	<b>82.847.299</b>	<b>156.842.650</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.546.200.435	7.363.979.222
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	(1.465.809.579)	(1.173.963.843)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.080.390.856	6.190.015.379
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.473.417	24.489.290
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>248</b>	<b>253</b>

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.473.417	24.501.817
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông Công ty mua lại trong năm	-	(12.527)

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>24.473.417</b>	<b>24.489.290</b>

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.380.833.308	3.867.308.107
Chi phí nhân công	27.997.137.419	28.620.571.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.701.242.023	14.844.017.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.152.334.270	23.775.473.289
Chi phí khác	1.372.974.757	1.880.902.432
<b>Cộng</b>	<b>83.604.521.777</b>	<b>72.988.273.272</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V17a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, thưởng với tổng tiền lương, thưởng trong năm là 1.776.690.000 VND (năm trước là 2.365.327.822 VND).

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ đông sở hữu 80,90% vốn điều lệ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch khác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV

	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh giảm hóa đơn của Bên số 2 phần thuế VAT	23.152.216.356	-
Thu tiền từ Tổng Công ty	2.161.346.200	-
Chia cổ tức cho Tổng Công ty	3.964.603.000	1.982.301.500

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4a, V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ, quản lý khai thác biển và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**3a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.545.354.541	-	37.545.354.541
Phải thu khách hàng	8.132.146.371	984.022.043	9.116.168.414
Các khoản phải thu khác	3.056.819.000	-	3.056.819.000
<b>Cộng</b>	<b>48.734.319.912</b>	<b>984.022.043</b>	<b>49.718.341.955</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.793.567.722	-	48.793.567.722
Phải thu khách hàng	4.747.241.586	1.015.398.066	5.762.639.652
Các khoản phải thu khác	434.577.305	-	434.577.305
<b>Cộng</b>	<b>53.975.386.613</b>	<b>1.015.398.066</b>	<b>54.990.784.679</b>

**3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				-

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	699.173.227	-	-	699.173.227
Vay và nợ	6.000.000.000	32.000.000.000	54.000.000.000	92.000.000.000
Các khoản phải trả khác	74.000.000	3.324.520.000	-	3.398.520.000
<b>Cộng</b>	<b>6.773.173.227</b>	<b>35.324.520.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>96.097.693.227</b>

#### Số đầu năm

Phải trả người bán	1.549.256.040	-	-	1.549.256.040
Vay và nợ	5.177.200.000	30.350.800.000	64.000.000.000	99.528.000.000
Các khoản phải trả khác	2.432.155.288	-	-	2.432.155.288
<b>Cộng</b>	<b>9.158.611.328</b>	<b>30.350.800.000</b>	<b>64.000.000.000</b>	<b>103.509.411.328</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tập đoàn chỉ có khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 67.319,22 USD (số đầu năm là 67.332,42 USD).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 92.000.000.000 VND (số đầu năm là 99.528.000.000 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2,5% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.300.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 2.488.200.000 VND) và vốn chủ sở hữu năm nay sẽ giảm/tăng 2.300.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 2.488.200.000 VND).

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

### **3d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## **4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

### ***Tài sản tài chính***

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.545.354.541	-	48.793.567.722	-
Phải thu khách hàng	9.116.168.414	(823.570.324)	5.762.639.652	(717.259.138)
Các khoản phải thu khác	3.056.819.000		434.577.305	-
<b>Cộng</b>	<b>49.718.341.955</b>	<b>(823.570.324)</b>	<b>54.990.784.679</b>	<b>(717.259.138)</b>

### ***Nợ phải trả tài chính***

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	699.173.227	1.549.256.040

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	92.000.000.000	99.528.000.000
Các khoản phải trả khác	3.398.520.000	2.432.155.288
<b>Cộng</b>	<b>96.097.693.227</b>	<b>103.509.411.328</b>

#### **Giá trị hợp lý**

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### **5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu




Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Phạm Hữu Tấn  
Tổng Giám đốc



**Cam Ranh, Ngày 28 tháng 02 năm 2018**

**Chữ ký người đại diện theo pháp luật**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Hữu Toán*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

**Địa chỉ** Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh  
Khánh Hòa, Việt Nam

**Điện thoại** (0258) 3854 307

**Fax** (0258) 3854 536

**Website** [www.camranhport.vn](http://www.camranhport.vn)